

Lời nói đầu

Ngày 19 tháng 10 năm 1961, Ban Kỹ thuật tỉnh Bắc Giang - tiền thân của Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Bắc Giang ngày nay được thành lập. Năm mươi hai năm qua, được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ KH&CN, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, địa phương trong tỉnh, đặc biệt là những nỗ lực không ngừng của các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành, KH&CN Bắc Giang đã không ngừng phát triển, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Nhân dịp kỷ niệm 52 năm ngày thành lập (19/10/1961 - 19/10/2013), Sở KH&CN Bắc Giang xin trân trọng giới thiệu ấn phẩm Thông tin Khoa học và Công nghệ số đặc biệt: “Khoa học và Công nghệ Bắc Giang 52 năm xây dựng và phát triển 1961 - 2013” để ghi lại những mốc son, thành tựu đã đạt được của ngành KH&CN Bắc Giang trong suốt chặng đường nửa thế kỷ qua, gắn liền với công cuộc xây dựng quê hương Bắc Giang và sự phát triển chung của nền KH&CN nước nhà.

Trong khuôn khổ ấn phẩm, chúng tôi không thể đề cập được hết quá trình phấn đấu của tập thể lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Sở KH&CN, cũng như kết quả hoạt động KH&CN trong suốt chiều dài lịch sử 52 năm qua, mà chỉ nêu lên được những sự kiện chủ yếu có tính chất đặc trưng qua mỗi thời kỳ và dành phần đáng kể để phản ánh hoạt động KH&CN của tỉnh trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Để có được ấn phẩm này, Ban biên tập xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Bộ KH&CN và tỉnh, sự tham gia cộng tác nhiệt tình của quý cộng tác viên, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức KH&CN trong tỉnh và các ý kiến đóng góp quý báu của các thế hệ cán bộ Sở KH&CN Bắc Giang. Mặc dù vậy, vì điều kiện thời gian và khả năng hạn chế, ấn phẩm không thể tránh khỏi những thiếu sót. Ban biên tập mong muốn nhận được ý kiến đóng góp, nhất là về các tư liệu lịch sử liên quan đến quá trình 52 năm xây dựng và phát triển của ngành KH&CN Bắc Giang.

Xin chân thành cảm ơn!

Ban Biên tập

THƯ CHÚC MỪNG CỦA LÃNH ĐẠO SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GỬI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NHÂN KỶ NIỆM 52 NĂM NGÀY THÀNH LẬP

Trong niềm vui nhân kỷ niệm 52 năm thành lập ngành (19/10/1961 - 19/10/2013), Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang chúng tôi thân ái gửi tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức lời chúc mừng nồng nhiệt và lời cảm ơn chân thành nhất.

Thay mặt cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quan tâm chỉ đạo sâu sát mọi hoạt động của Sở; cảm ơn các sở, ban, ngành, huyện/thành phố trong tỉnh, các viện, trường, cơ quan hữu quan, các sở KH&CN tỉnh bạn và các cơ quan thông tin, báo chí đã hợp tác và khuyến khích chúng tôi trong suốt 52 năm hình thành và phát triển.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các vị lão thành, các thế hệ cán bộ qua các thời kỳ đã nhiệt tình đóng góp tài năng, trí tuệ để xây dựng Sở ngày một trưởng thành; làm tròn vai trò tham mưu trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống, nhất là đối với những vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần quan trọng vào sự phát triển và đi lên của tỉnh nhà.

Sự phấn đấu bền bỉ, không mệt mỏi của tất cả chúng ta và những thành tích xuất sắc đã đạt được trong suốt 52 năm qua đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua cao quý. Đó là nguồn cổ vũ, động viên to lớn để toàn thể cán bộ, công chức, viên chức Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang có thêm sức mạnh hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Bước vào thời kỳ mới - thời kỳ hội nhập với những thời cơ và thách thức đặt ra, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ càng nặng nề, vai trò của khoa học và công nghệ càng trở nên quan trọng, mang tính quyết định cho sự thành công của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với trọng trách đó, chúng tôi tin tưởng rằng Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang sẽ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, phát huy sức mạnh đoàn kết nội bộ, phối kết hợp hiệu quả với các cơ quan hữu quan và các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh không ngừng vươn lên, tiếp tục khẳng định vai trò của khoa học và công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp xứng đáng vào việc xây dựng tỉnh Bắc Giang ngày càng phát triển vững mạnh về mọi mặt.

Xin kính chúc các đồng chí và các bạn sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc!

Lãnh đạo Sở KH&CN Bắc Giang

“CHẶNG ĐƯỜNG KHOA HỌC PHÍA TRƯỚC CÒN NHIỀU GIAN NẠN”

Nguyễn Quân

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Để đất nước phát triển nhanh và bền vững, khoa học và công nghệ (KH&CN) trở thành động lực của nền kinh tế, người làm quản lý các bộ ngành, địa phương hãy giao quyền tự chủ cho giới khoa học, Bộ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Quân viết.

Năm 2012 qua đi với những sự kiện KH&CN nổi bật có ý nghĩa quan trọng đối với giai đoạn phát triển nước rút của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Dấu ấn quan trọng nhất đó là Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thống nhất cao và ban hành Nghị quyết số 20 ngày 1/11/2012 về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Cũng trong năm 2012, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2020. Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIII đã thảo luận cho ý kiến Luật KH&CN (sửa đổi). Đồng hành với các sự kiện này có thể kể đến hai công trình lớn của đất nước khẳng định vai trò và trình độ phát triển của KH&CN Việt Nam như: Dàn khoan tự nâng 90 mét nước được hạ thủy tháng 4/2012 và Nhà máy thủy điện Sơn La lớn nhất Đông Nam Á được khánh thành tháng 12/2012. Đây là hai công trình lớn do cán bộ kỹ thuật và công nhân Việt Nam thực hiện, đưa Việt Nam vào hàng các quốc gia có thứ hạng cao trên thế giới trong lĩnh vực thủy điện và chế tạo dàn khoan dầu khí.

Cộng đồng nhà khoa học hồ hởi đón nhận Nghị quyết của Đảng về phát triển khoa học với những nội dung đổi mới mang tính đột phá, tràn đầy hy vọng sẽ có hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sáng tạo của

mình, góp phần thực hiện mục tiêu đến 2020 Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Chắc chắn cộng đồng khoa học sẽ chung tay cùng chính phủ thể chế hóa Nghị quyết của Đảng bằng cơ chế chính sách cụ thể, bằng việc triển khai các chương trình KH&CN quốc gia tạo ra hàng loạt sản phẩm giá trị gia tăng lớn, năng suất cao, chất lượng cạnh tranh, bằng việc xây dựng hệ thống các viện nghiên cứu xuất sắc, các tập thể khoa học mạnh, doanh nghiệp KH&CN, khu công nghệ cao và công viên khoa học, bằng việc hình thành đội ngũ cán bộ KH&CN giỏi ngang tầm khu vực và quốc tế.

Nhưng phải thừa nhận rằng chặng đường phía trước còn nhiều thách thức. Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu còn chưa hồi phục, nền kinh tế chúng ta còn phải đương đầu với sự suy giảm, nợ xấu, đổ vỡ hàng loạt doanh nghiệp, vừa phải ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý, vừa phải đảm bảo an sinh xã hội. KH&CN phải làm gì để góp phần tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thực sự là trụ cột của các giải pháp đột phá?

Trong muôn vàn thách thức của chặng đường phía trước, tôi chỉ xin đề cập đến một vấn đề, đó là làm thế nào thay đổi nhận thức của toàn xã hội về vai trò của KH&CN trong phát triển kinh tế, để những người quản lý và điều hành có được sự đồng thuận cao trong việc đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN, chấp nhận từ bỏ tư duy cũ và thói quen cũ gây ách tắc hoạt động sáng tạo.

Làm thế nào để giới quản lý quan tâm đặt hàng những nhiệm vụ KH&CN xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đời sống, ban hành cơ chế chính sách kịp thời và phù hợp trên quan điểm phục vụ

cộng đồng khoa học.

Làm thế nào để giới khoa học tự giác thoát khỏi “vòng kim cô” của kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, để mỗi người dân đều thấy không thể thiếu ý tưởng sáng tạo trong cuộc sống của họ và để mỗi doanh nghiệp cảm nhận được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp phát triển KH&CN nước nhà.

Khối lượng văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa Nghị quyết của Đảng sẽ thật đồ sộ, bắt đầu từ Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6, từ Luật KH&CN sửa đổi và hàng trăm Nghị định, Thông tư, mà mỗi văn bản ấy đều thấm đẫm sự nhọc nhằn của những nhà khoa học và quản lý, là những ngày đêm trăn trở, những hội thảo căng thẳng với sự phản biện thuyết phục và là sự chất lọc ý tưởng và kinh nghiệm của nhiều thế hệ quản lý.

Chắc chắn rằng nhiều tư tưởng đổi mới sẽ gặp phải rào cản, không dễ được chấp nhận cho dù tư tưởng ấy vốn là thông lệ các nước đi trước chúng ta. Ví dụ, việc tài trợ cho hoạt động nghiên cứu thông qua các quỹ phát triển KH&CN là một cơ chế tích cực được thực hiện ở hầu hết các nước phát triển và thực tế kiểm nghiệm có hiệu quả.

Ngay ở Việt Nam, Quỹ phát triển KH&CN quốc gia NAFOSTED mới hoạt động 4 năm đã chứng tỏ sự đúng đắn của cơ chế quỹ khi giúp giới khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản tăng số lượng công bố quốc tế lên gấp 3 lần so với giai đoạn trước đây và hỗ trợ thành công cho dự án quy mô lớn, nhất là nghiên cứu chế tạo dàn khoan tự nâng 90 mét nước phục vụ khai thác dầu khí.

Hay cơ chế khoán chi đối với đề tài, dự án nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước, vốn là niềm khát khao của nhiều thế hệ các nhà khoa học, từ đó họ có thể tạo ra sản phẩm cuối cùng mà không bị lệ thuộc vào thủ tục hành chính phiền hà. Hiện tượng Quyết định 846/QĐ-TTg của Thủ tướng về thí điểm cơ chế khoán trong lĩnh vực nông nghiệp ban hành hai năm nhưng chưa có Thông tư hướng dẫn chi tiêu tài chính cũng là một ví dụ điển hình về rào cản vô hình đối với một cơ chế đổi mới.

Thủ tướng giao Bộ KH&CN hợp tác với Hàn Quốc xây dựng một viện nghiên cứu tiên tiến theo mô hình Viện KH&CN Hàn Quốc (KIST). Bài học thành công của KIST thật đơn giản, nhưng chắc chắn không phải dễ áp dụng, đó là phải có cơ chế hoạt động và tài chính quy định bằng luật đặc thù. Thứ hai, phải có sự quan tâm đặc biệt và chỉ đạo quyết liệt của người đứng đầu quốc gia. Thứ ba phải quy tụ được một tập thể các nhà khoa học giỏi nhất của đất nước. Không phải ai cũng dễ dàng chấp nhận có “ốc đảo” xanh tươi giữa sa mạc nắng cháy, tuy nhiên cần bắt đầu từ ‘ốc đảo’ ấy để lấn dần sa mạc.

Vấn đề là cần tập trung đầu tư cơ chế và tiền bạc cho một cơ sở nghiên cứu khoa học trong khi đất nước còn nghèo và trình độ phát triển còn thấp. Điều đó đòi hỏi sự chia sẻ, chấp nhận, và cả sự hy sinh của nhà quản lý. Vấn đề là chúng ta có muốn đất nước sớm trở thành một nước công nghiệp hiện đại hay không?

Để phát triển đất nước nhanh và bền vững, KH&CN trở thành động lực của nền kinh tế, người làm quản lý ở các bộ ngành, địa phương hãy đặt niềm tin vào các nhà khoa học, giao quyền tự chủ cho họ, thậm chí giao quyền lực thực sự cho họ, hãy tạo cơ hội cho các tổng công trình sư, những nhà khoa học đầu ngành để họ cống hiến cho đất nước những công trình xứng tầm. Đó chính là sự ưu đãi lớn nhất mà chúng ta dành cho cộng đồng khoa học./.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LÝ LUẬN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA VII) VỀ CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Đức Kiên

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trong công cuộc đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế ngày nay khoa học và công nghệ nước ta đã có những bước tiến quan trọng về mọi mặt, đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt trong 10 năm gần đây với những tiến bộ trong quản lý nhà nước bằng công cụ pháp luật, đổi mới phương thức tổ chức, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát huy tính tự chủ, phát triển doanh nghiệp khoa học và thị trường công nghệ, hình thành hàng loạt pháp lý thuận lợi và đồng bộ cho hoạt động khoa học công nghệ. Theo đó, nghiên cứu lý luận là một hoạt động đóng góp vai trò quan trọng cho việc định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Sau 21 năm (1992-2013) từ khi có Nghị quyết 01-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII), hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học lý luận của tỉnh đã triển khai 47 đề tài nghiên cứu lý luận, tổng kinh phí sự nghiệp khoa học đầu tư trên 5 tỷ đồng. Đáp ứng với yêu cầu nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay. Huy động được sự tham gia nghiên cứu của nhiều ngành, nhiều tổ chức, cá nhân, trong đó có sự tăng cường liên kết với các trường đại học, các viện và cơ quan nghiên cứu ở Trung ương, kết quả các nghiên cứu đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị

Các đề tài nghiên cứu lý luận chính trị đã trở thành luận cứ khoa học quan trọng phục vụ việc triển khai các đường lối, chủ trương của Đảng:

Trong giáo dục chính trị tư tưởng: Các nghiên cứu về giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng

tác phong công nghiệp cho người lao động trong doanh nghiệp tư nhân trực thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại khu công nghiệp của tỉnh, nhằm phát huy dân chủ, đổi mới phương thức hoạt động, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị trong doanh nghiệp; nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với khu vực nông thôn miền núi. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa và giải quyết tình trạng đình công không đúng pháp luật của người lao động tại các doanh nghiệp; các giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác khoa giáo trong tình hình mới. Nghiên cứu công tác xã hội, giáo dục, công tác dân vận, phổ biến giáo dục pháp luật; nghiên cứu nâng cao chất lượng giám sát của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Bắc Giang...

Trong an ninh quốc phòng: Các đề tài đã tập trung nghiên cứu phương thức vận dụng lý luận đã được tổng kết vào từng vấn đề trọng tâm cụ thể, từng khu vực, địa phương để các vấn đề lý luận là cơ sở trong các chương trình phát triển, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều đề tài được thực hiện tốt đã tích cực đóng góp vào phòng chống tội phạm như đề tài nghiên cứu và ứng dụng phương pháp phục hồi chữ số được đóng chìm trên các vật dụng bằng kim loại để góp phần đấu tranh chống tội phạm trộm cắp ô tô, xe máy; Điều tra nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp trong công tác quản lý nhà nước, công tác bảo vệ an ninh kinh tế trên lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh; Điều tra, đề xuất giải pháp nhằm ngăn ngừa, hạn chế tệ nạn và tội phạm ma túy... Trong lĩnh vực quốc



Tập huấn phần mềm quản lý trình độ công nghệ tại Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang.

phòng, đã tập trung vào nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm chiến tranh để rút ra bài học và biên tập thành tài liệu phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy quân sự; Nghiên cứu kết hợp giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ của tỉnh.

Trong cải cách hành chính: Nghiên cứu đổi mới hoạt động của hệ thống văn phòng khối Đảng từ tỉnh đến huyện, xã triển khai với nội dung tập trung vào đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ cấp xã, phường; Ngoài ra nhiều đề tài nghiên cứu cấp cơ sở đã góp phần tích cực vào việc cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước.

Thông qua việc nghiên cứu các đề tài trong lĩnh vực này đã góp phần đưa các Chỉ thị,

Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, làm rõ hơn cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý của các cơ quan, ban, ngành của tỉnh.

Chương trình nghiên cứu xã hội

Với các chương trình nghiên cứu xã hội, đã tập trung nghiên cứu những vấn đề chiến lược và cần thiết của tỉnh để đưa ra những căn cứ lý luận, thực tiễn tại địa phương, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.

Trong nghiên cứu văn hóa - nghệ thuật: Đã đạt được nhiều thành tựu nghiên cứu. Việc xác định cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, cả vật thể và phi vật thể dựa vào việc nghiên cứu lịch sử trên các mặt lịch sử tư tưởng, lịch sử văn hóa và lịch sử nghệ thuật, tỉnh đã quan tâm tập trung nghiên cứu chú trọng tới việc sưu tầm, bảo tồn các di tích lịch sử, các di vật, cổ vật, các giá trị văn hóa truyền thống

của địa phương. Điều tra các di sản mỹ thuật truyền thống; nghiên cứu văn hóa các dân tộc Nùng, Dao, Cao Lan; những nét văn hóa truyền thống của người Cao Lan tỉnh Bắc Giang đã được sưu tầm, bảo tồn và phát triển trong cộng đồng người Cao Lan tại bản Khe Nghè, huyện Lục Nam. Nghiên cứu tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội truyền thống, tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, phong tục tập quán như tục kết chạ, tục mua dâu – bán họ, lễ cấp sắc,... lễ tiết trong năm... đóng góp chuẩn mực, giá trị đạo đức, những phong tục riêng biệt độc đáo của từng vùng.

Mô hình bảo tồn văn hóa dân tộc trong một cộng đồng đang phát triển chính là một hướng đúng đắn không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được các giá trị văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của người Bắc Giang. Đồng thời phát triển du lịch, kinh tế - văn hóa - xã hội, khơi dậy những nét đẹp truyền thống của các dân tộc trong tỉnh, góp phần vào việc hoạch định các chính sách tôn tạo, trùng tu, bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa vật thể, các di vật, cổ vật và bảo tồn, phát triển di sản văn hóa phi vật thể (dân ca, phong tục, tập quán...).

Trong nghiên cứu phát triển con người và nguồn nhân lực (bao gồm cả giáo dục và đào tạo): Những nghiên cứu trọng tâm là giáo dục cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao về nhận thức chính trị tư tưởng, rèn luyện giữ gìn đạo đức, lối sống. Điển hình như các đề tài nghiên cứu làm cơ sở khoa học để thực hiện những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và quy hoạch đội ngũ giáo viên theo nhu cầu giáo dục đào tạo của địa phương. Nghiên cứu những giải pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ tỉnh; Nghiên cứu biên soạn tập bài giảng bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn tại trường chính trị tỉnh đã đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình giảng dạy; phát huy tư duy sáng tạo, cung cấp các luận cứ khoa học về lý luận chính trị, pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương và đất nước.

Trong nghiên cứu định hướng phát triển kinh tế: Một số đề tài đã trở thành luận cứ khoa

học quan trọng phục vụ việc triển khai đường lối, chủ trương của Đảng như: Nghiên cứu chuyển đổi ruộng đất, khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất. Nhiều nghiên cứu đã đặt ra được những mục đích và yêu cầu cụ thể cần đạt được như đề xuất được những giải pháp, khuyến nghị và chính sách đầu tư công cho giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế của những vùng dân cư đặc thù của địa phương có điều kiện khó khăn trong tỉnh, xác định được trọng tâm phát triển kinh tế của từng vùng miền để phát huy được tối đa những lợi thế có được; nghiên cứu về thực trạng phát triển kinh tế trang trại và những mô hình kinh tế có hiệu quả tại địa phương nhằm nhân rộng các mô hình sản xuất này; xác định và định hướng phát triển kinh tế bền vững cho vùng trang trại cây ăn quả tỉnh Bắc Giang... Nghiên cứu, tổng kết việc quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước trước khi chuyển đổi theo Nghị quyết Trung ương 3 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2006-2010, những cơ hội thách thức đối với doanh nghiệp Bắc Giang trong bối cảnh hội nhập... đề xuất một số mô hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế. Để nhận diện nguyên nhân của những thành công và hạn chế về tốc độ và chất lượng tăng trưởng, việc nghiên cứu thực trạng tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2001-2010, từ cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất mục tiêu, phương hướng và các giải pháp nhằm nâng cao tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế Bắc Giang giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

Ngoài ra các hoạt động nghiên cứu trên lĩnh vực khác cũng góp phần lý luận vào thực tiễn để thúc đẩy hoạt động sản xuất và đời sống, như: Nghiên cứu trong khoa học kỹ thuật và công nghệ, được xác định là chương trình trọng điểm phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu của nước ta. Những nghiên cứu trong các lĩnh vực kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ), quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh theo lĩnh vực được chú trọng, đã tập trung tháo gỡ những vướng mắc để khoa học và công nghệ đi sâu vào mọi lĩnh vực sản xuất và đời sống. Nghiên cứu - ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ

thuật đã giúp chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Phương hướng và một số nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu khoa học lý luận trong thời gian tới

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII); Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII); Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII về phát triển KH&CN, đi sâu điều tra nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc bổ sung hoàn thiện các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy và chính quyền các cấp nhằm góp phần cùng cả nước thực hiện sự nghiệp CNH, HĐH.

Với Mục tiêu phát triển KH&CN góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2020, phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Để đạt được mục tiêu đó, cần tập trung vào một số lĩnh vực nghiên cứu sau:

1. Khoa học tự nhiên: Tập trung vào nghiên cứu cơ bản trong một số lĩnh vực tỉnh có thế mạnh. Đặc biệt chú ý đến các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng nhằm hỗ trợ cho quá trình lựa chọn, tiếp thu và cải tiến công nghệ. Nghiên cứu xây dựng những luận cứ khoa học và những định hướng, giải pháp cụ thể nhằm quy hoạch phát triển bền vững. Nghiên cứu, hoạch định mũi nhọn phát triển kinh tế của tỉnh và từng địa phương; nghiên cứu giải pháp phát triển cho các vùng đặc biệt khó khăn, cho các khu vực dân cư có tính đặc thù; nghiên cứu phương hướng phát triển kinh tế cho nông dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và phân hóa các tầng lớp xã hội trong nền kinh tế thị trường,... Nghiên cứu dự báo các xu thế phát triển của thế giới và khu vực

để phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Khoa học xã hội: Triển khai nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý. Tập trung vào các vấn đề như nghiên cứu bảo vệ quyền lợi cho những đối tượng dễ bị xâm phạm, tổn thương trong xã hội như người tàn tật, người nghèo; người già, trẻ em, phụ nữ...; nghiên cứu giải quyết tình trạng thất nghiệp, tạo việc làm mới cho đối tượng nông dân không còn ruộng đất; phòng tránh các loại tệ nạn xã hội có xu hướng diễn biến phức tạp nhằm đảm bảo trật tự xã hội; cải cách hành chính, nâng cao chất lượng quản lý hiệu quả hệ thống hành chính của địa phương; nghiên cứu các giải pháp nâng cao khả năng trao đổi thông tin và khả năng tiếp cận các nguồn thông tin KH&CN của người dân... Cung cấp luận cứ khoa học cho việc phát triển toàn diện con người và văn hóa Việt Nam, quản lý sự phát triển xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Khoa học công nghệ: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng trong phát triển công nghiệp TTCN, nông nghiệp và nông thôn,... Chú trọng giải quyết những vấn đề KH&CN mang tính liên ngành, liên vùng phục vụ sản xuất. Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, đáp ứng thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng và phát triển thị trường công nghệ. Đẩy mạnh việc phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và các ngành công nghệ cao.

Trong điều kiện xã hội đang phát triển mạnh mẽ, đứng trước nhiều cơ hội và thách thức như hiện nay, nghiên cứu khoa học công nghệ nói chung, lĩnh vực khoa học lý luận nói riêng ở Bắc Giang cần phát huy kết quả đã đạt được, tiếp tục nghiên cứu để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu lý luận đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay./.

HỒ CHÍ MINH VỚI NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Minh Tâm - Khắc Hiếu

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN). Người cho rằng khoa học và kỹ thuật có ảnh hưởng rất lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Người không ngừng chăm lo bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật để phục vụ cho nước nhà. Có thể khẳng định, hiểu và đánh giá đúng về vai trò, sức mạnh của KH&CN và biết cách phát huy tối đa sức mạnh đó trong sự nghiệp cách mạng chính là cốt lõi của Tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN.

Khoa học phải từ sản xuất mà ra

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Hội Phổ biến Khoa học, Kỹ thuật Việt Nam, Bác Hồ đã phát biểu những quan điểm của mình về khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Người đã thể hiện sự quan tâm của mình đối với vấn đề năng suất lao động và tăng năng suất lao động. Người cho rằng: “Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi”. (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 11, tr.78). Theo Người, muốn công tác phổ biến khoa học, kỹ thuật thành phong trào mạnh mẽ, phải dựa vào lực lượng to lớn của các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ, công đoàn..., đồng thời phải phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn và các tổ chức khoa học khác. Người đề cao nhiệm vụ dạy bảo các cháu thiếu niên về khoa học, kỹ thuật, làm cho các cháu ngay từ nhỏ đã biết yêu khoa học, để mai sau các cháu trở thành những người có thói quen sinh hoạt và làm việc một cách khoa học.

Công nghệ là lãnh đạo và cải tạo kinh tế của quốc dân

“Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải

trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng...”

Về phát triển công nghệ, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến kế hoạch và sản xuất. Người cho rằng kế hoạch không nên tụt lại sau, nhưng cũng không nên chạy quá nhanh trước sự phát triển của công nghệ. Mong muốn của Hồ Chí Minh là làm sao để dân ta thoát khỏi đói nghèo, để nền kinh tế của nước ta theo kịp các nước tiên tiến khác. Muốn như vậy thì chúng ta cần phải tập trung tăng cường và đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực về KH&CN dựa trên một nền kinh tế nông nghiệp ổn định. Người cũng chỉ rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa công nghệ với ngành nông nghiệp. Trong nền kinh tế nước ta lúc bấy giờ, nông nghiệp đóng vai trò quan trọng đảm bảo phát triển kinh tế, và công nghệ cũng là một yếu tố ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp. Hồ Chí Minh cho rằng: “Chỉ có liên hệ chặt chẽ với nông nghiệp, không rời xa sức tiết kiệm và ăn khớp với vốn liếng và sức hậu bị của ta - thì công nghệ mới làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của nó, là lãnh đạo và cải tạo kinh tế của quốc dân”. (Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 6, tr.499).

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và trọng dụng nhân tài

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc đoàn kết, tập hợp đội ngũ trí thức, trọng dụng nhân tài, tạo điều kiện tối đa cho trí thức phát huy tài năng, hiểu biết của mình phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Biết bao nhân sĩ, trí thức và các nhà khoa học tên tuổi như: Hồ Đắc Di, Nguyễn Văn Tố, Tạ Quang Bửu, Tôn Thất Tùng, Trần Đại Nghĩa, Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngữ... đã tự nguyện từ bỏ cuộc sống êm ấm, giàu có ở Hà Nội, Sài Gòn, Tokyo hay Paris để tham gia cách mạng, sẵn sàng chịu nhiều hi sinh, gian khổ, lập nên những kỳ tích về KH&CN trong kháng chiến. Tất cả họ đều xuất phát từ lòng yêu nước, niềm tin, niềm cảm phục



Ngày 14/5/1959, Bác đến thăm Nhà máy in Tiến Bộ, Hà Nội.

đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh, từ “ánh sáng” toát ra từ tầm cao trí tuệ, từ cuộc đời và sự nghiệp của Người.

Bên cạnh sự quan tâm và chính sách trọng dụng nhân tài, Người cũng đặc biệt chú ý đến việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực KH&CN. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng xây dựng “con người mới” vì đây là động lực quyết định hướng đi lên của xã hội Việt Nam tương lai. Người đòi hỏi phải có chiến lược trồng người như trong câu nói: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” (Bác phát biểu tại lớp học chính trị của giáo viên cấp 2 và cấp 3 toàn miền Bắc năm 1958). Con người mới vừa là nhân vừa là quả của quá trình đấu tranh xây dựng xã hội mới. Bác Hồ đã từng nói: “Đã là người chủ thì phải biết tự mình lo toan gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ”. Con người mới phải có tri thức văn hóa và khoa học, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ dựa trên những phẩm chất đạo đức được tu dưỡng, rèn luyện hàng ngày.

Việc Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 7/11/2006 về phát động cuộc

vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” là hết sức có ý nghĩa. Khi mà nhân loại đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, kỷ nguyên của CNTT trực tuyến mà trong đó KH&CN và tri thức đã trở thành động lực trực tiếp và quan trọng nhất cho phát triển thì những quan điểm của Hồ Chí Minh về KH&CN, tấm gương đạo đức và tác phong của Người trong quan hệ với đội ngũ trí thức vẫn mãi là kim chỉ nam, là động lực để chúng ta có thể tạo nên nhiều kỳ tích về KH&CN trong thời kỳ đổi mới, xây dựng đất nước và hội nhập./.

“ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP - NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ”

Bích Liên

Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người “anh cả” của quân đội đã về yên nghỉ cõi vĩnh hằng nhưng công lao, tư tưởng và hình ảnh của ông sẽ mãi mãi trường tồn cùng dân tộc. Dù công tác trên cương vị nào, ông cũng đều để lại những ấn tượng sâu sắc. Một trong những lĩnh vực đó là khoa học công nghệ - GS. Viện sĩ Đặng Hữu - nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam chia sẻ: **“Khoa học là phải phục vụ sản xuất - phải có mục tiêu rõ ràng”**.

GS. Viện sĩ Đặng Hữu xúc động chia sẻ: “Đầu năm 2013, bác Giáp còn nằm trong bệnh viện viết thư chúc Tết. Sau đó, tôi đến thăm mấy lần thấy bác còn rất minh mẫn. Vẫn biết việc bác ra đi sẽ đến, nhưng khi nhận được tin tôi thấy đau xót và ngỡ ngàng”, ông Hữu bồi hồi xúc động.

Trong mắt giáo sư Đặng Hữu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một con người suốt đời vì nước, vì dân. Là người văn võ song toàn, Đại tướng luôn thân thiện, đức độ, uyên bác và đặc biệt là có tư duy khoa học.

Ở lĩnh vực khoa học công nghệ, năm 1977 khi còn giữ chức Thứ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, giáo sư Đặng Hữu gặp Đại tướng khi Đại tướng đứng ra báo cáo về vấn đề Tây Nguyên trên cơ sở tính toán khoa học để xây dựng đất nước.

Khi ấy, giáo sư Đặng Hữu rất ấn tượng về một tư duy chiến lược, kiến thức uyên thâm. Về vấn đề Tây Nguyên, Đại tướng bàn về vấn đề phát triển lương thực, chú trọng điều cán bộ khoa học vào vùng đất này. Và cũng kể từ đó, giáo sư Đặng Hữu có nhiều dịp làm việc với Đại tướng.

Theo giáo sư Đặng Hữu: “Đại tướng chính là người đặt nền tảng đầu tiên cho chính sách

khoa học ở Việt Nam, tổ chức các chương trình nghiên cứu, mời chuyên gia Liên Xô sang giúp đỡ, cử người đi học tập, nghiên cứu.”

Vào năm 1979, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho rằng khoa học cần phải được sắp xếp, đánh giá lại để đất nước không tụt hậu bởi “không có khoa học thì không làm được gì cả.” Đại tướng nắm tình hình chung của các viện nghiên cứu xem đã làm và chưa làm được gì, chỉ đạo xây dựng chính sách và đưa ra Bộ Chính trị để chuẩn bị cho Nghị quyết đầu tiên đặt nền móng cho khoa học kỹ thuật.

Khi ấy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vạch ra đề cương với ý chính: Khoa học là phục vụ sản xuất, phải có mục tiêu rõ ràng. “Đã đánh là thắng, không chắc thắng thì không đánh” và làm khoa học cũng phải như vậy. Cũng bởi thế, Đại tướng quan tâm tới đội ngũ nhân lực, lập ra quy hoạch chiến lược và trách nhiệm của khoa học.

Đại tướng cũng luôn trăn trở làm thế nào để khoa học đi vào sản xuất, không để kết quả bị đưa vào ngăn kéo.

Thời đó, không có kinh phí làm khoa học. Muốn làm khoa học phải xin tiền nhà nước và kết quả nghiên cứu cũng đưa vào nhà nước. Lúc đó, ý kiến của Đại tướng là cơ quan làm khoa học phải chủ động làm việc, chỉ đạo cán bộ khoa học đi về nông thôn giúp dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Dù Đại tướng đã không còn, nhưng cho đến nay, tư tưởng đó của Đại tướng vẫn trường tồn và luôn còn đúng ở mọi thời kỳ - Viện sĩ Đặng Hữu khẳng định.

Cần hội nhập quốc tế

Giáo sư Đặng Hữu cũng cho hay, cái lớn nhất chính là tư duy chiến lược về khoa học của Đại tướng. Bản thân giáo sư Đặng Hữu từng đi



GS. Viện sĩ Đặng Hữu người có nhiều kỷ niệm và thời gian làm việc cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

với Đại tướng nhiều chuyến sang các nước học tập về cách làm khoa học mới như thành phố khoa học của Ấn Độ, thăm Indonesia và làm việc với nhà khoa học của nước bạn từng làm việc tại Tây Đức để kết nối.

“Trong mỗi chuyến công tác, học tập, khi về nước mỗi người đều phải phát biểu nhận xét của mình và báo cáo lại xem cần học cái gì, loại bỏ cái gì. Đại tướng luôn quan tâm làm thế nào để phát triển công nghệ cao, công nghệ sinh học... bởi đó chính là những thứ sẽ quyết định sự phát triển của xã hội,” giáo sư Đặng Hữu nhớ lại.

Giáo sư Đặng Hữu cho rằng tư tưởng của Đại tướng đã ảnh hưởng rất lớn tới ông, nhất là khi ông trở thành người đứng đầu ngành khoa học và công nghệ Việt Nam. Đó chính là tư tưởng chủ đạo khoa học công nghệ là dẫn dắt đất nước đi lên, khoa học và giáo dục là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khoa học là không biên giới, cần hội nhập quốc tế về khoa học.

Vị Đại tướng của nhân dân cũng cực kỳ coi

trọng khoa học công nghệ để thực hiện những yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng.

Tư tưởng của Đại tướng đã ảnh hưởng đến chính sách chiến lược của GS. Viện sĩ Đặng Hữu trong suốt thời kỳ ông còn là Bộ trưởng. Điều đặc biệt ở tư tưởng đó là “khoa học là phải dẫn dắt đất nước đi lên”, phải luôn chú trọng đến vấn đề hội nhập quốc tế, có như vậy mới đưa đất nước tiến lên phát triển./.

NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Thị Hương

Bắc Giang là một trong những tỉnh đầu tiên của cả nước thực hiện công khai bộ thủ tục hành chính. Việc công khai 3.128 thủ tục hành chính, kèm theo 829 mẫu đơn, tờ khai và 481 yêu cầu, điều kiện là một trong những kết quả quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính.

Thực hiện Kế hoạch số 89/KH-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang về cải cách hành chính Nhà nước năm 2013, xác định cơ quan hành chính nhà nước hoạt động hiệu quả, công khai, minh bạch, thông suốt, dân chủ và trách nhiệm, góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-KHCN về cải cách hành chính năm 2013, tổ chức quán triệt kế hoạch tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và lao động trong toàn Sở, chỉ đạo các phòng, đơn vị liên quan thực hiện việc cải cách hành chính thông qua các hoạt động cụ thể:

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính:

Sở KH&CN đã thực hiện tốt công tác rà soát, thống kê, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính, đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 04/4/2013 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, trong đó 01 thủ tục hành chính mới ban hành (Xác nhận thuyết minh đề tài, dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao) và 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn và tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy).

Thực hiện Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 05/6/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông tại Sở KH&CN, hiện tại bộ phận “một cửa” của Sở thực hiện tiếp nhận và giải quyết 26 thủ tục

hành chính được ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trên các lĩnh vực: Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Trong 9 tháng đầu năm, Sở đã rà soát và sửa đổi 02 quy trình ISO, ban hành mới hệ thống tài liệu gồm 15 quy trình, thủ tục.

- Về kết quả thực hiện cơ chế “một cửa”:

Trong 9 tháng đầu năm 2013, Sở đã tiếp nhận và giải quyết 52 thủ tục hành chính về lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, an toàn bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Nhiều hồ sơ, thủ tục hành chính được giải quyết xong trước thời hạn và không có hồ sơ nào quá hạn, đáp ứng tốt yêu cầu của tổ chức, cá nhân đến giao dịch công tác.

- Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lao động của Sở được đào tạo cơ bản, trong tổng số 91 CBCCVC, LĐ có 15 người có trình độ thạc sỹ, 66 người có trình độ đại học, còn lại có trình độ cao đẳng, công nhân kỹ thuật. Hiện tại, một số công chức, viên chức, lao động của Sở đang theo học các lớp cao học tại các trường đại học. Nhận thức của công chức, viên chức, lao động về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được nâng lên rõ rệt; Quy chế văn hóa công sở được cán bộ, công chức, viên chức, lao động thực hiện nghiêm túc.

Trong 9 tháng đầu năm, Sở đã cử 17 công chức, viên chức tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên tại Trường Chính trị tỉnh, trên 40 lượt công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ lĩnh vực hoạt

động khoa học và công nghệ; ngoài ra, thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ của Tỉnh ủy, Sở đã xây dựng Kế hoạch số 18/KHCN ngày 23/4/2013 về đào tạo cán bộ, công chức từ nay đến năm 2015.

Thực hiện Kế hoạch số 1390/KH-UBND của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ, Sở KH&CN đã triển khai xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công, viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

- Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính và cải cách tài chính công:

Năm 2013, Sở KH&CN đã rà soát, sửa đổi Quy chế làm việc và mối quan hệ công tác của Sở, trong đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số phòng, đơn vị trong Sở, tránh chồng chéo, trùng lặp; tiến hành rà soát sắp xếp lại một số vị trí công tác, đảm bảo để công chức, viên chức phát huy tốt trình độ chuyên môn, năng lực công tác; giảm một số cuộc hội nghị, hội thảo không cần thiết bằng cách lồng ghép một số nội dung dự kiến tổ chức hội nghị vào các buổi sinh hoạt chi bộ mở rộng.

Nhằm thực hiện công khai minh bạch tài sản, các khoản thu chi và quyết toán hàng năm, khối Văn phòng Sở và các đơn vị thuộc Sở đã chủ động xây dựng, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định. Ngoài kinh phí tiết kiệm do UBND tỉnh giao, năm 2013 thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, UBND tỉnh Bắc Giang đã tập trung chỉ đạo và tăng cường biện pháp thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, Sở đã thực hiện tiết kiệm 30% cắt giảm chi kinh phí quản lý hành chính, tiết kiệm các khoản chi để tăng thu nhập cho CBC-CVC, lao động. 6 tháng đầu năm 2013, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã được Giám đốc Sở tặng Giấy khen kèm theo tiền thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong việc tiết kiệm điện năng.

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng ISO:

Sở thực hiện nâng cấp hệ thống mạng nội bộ theo hướng mở rộng trình duyệt ứng dụng. Trước đây, phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc chỉ được thực hiện trên trình duyệt

Internet Explorer, nay phiên bản mới áp dụng cho mọi trình duyệt, giúp cán bộ, công chức, viên chức và lao động của Sở có thể truy cập thuận tiện, dễ dàng. Trang thông tin điện tử của Sở ngày càng được nâng cao và thu hút lượng truy cập lớn nhờ giao diện bắt mắt, nhiều thông tin hữu ích.

Nhằm nâng cao kiến thức, nghiệp vụ về công tác quản lý và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, Sở đã tổ chức 2 hội nghị tập huấn ISO hành chính cho cán bộ làm công tác theo dõi, xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong công tác cải cách hành chính được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Đây là công cụ hữu ích trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chỉ đạo quy định rõ việc duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO là một trong những tiêu chí bắt buộc để bình xét thi đua khen thưởng hàng năm đối với các phòng, đơn vị. Vì vậy, hoạt động áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO của Sở KH&CN đã thực sự có hiệu quả, hệ thống ISO được cải tiến thường xuyên, liên tục.

Để phát huy những kết quả đạt được trong thời gian tới cần tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Thực hiện duy trì có hiệu quả cơ chế một cửa, duy trì tốt phần mềm một cửa điện tử, rà soát thủ tục hành chính của Sở. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kế hoạch sử dụng tiết kiệm điện có hiệu quả. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt việc khoán chi hành chính phù hợp với công tác và nhiệm vụ được giao, trên cơ sở tiết kiệm, có hiệu quả.

Nhân kỷ niệm 52 ngày thành lập ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang, tập thể cán bộ, công chức, viên chức, lao động Sở tin tưởng rằng công tác cải cách hành chính của Sở KH&CN sẽ tiếp tục được phát huy và đạt nhiều thành tích hơn nữa, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nền hành chính hiện đại./.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH BẮC GIANG

Lê Thị Thanh Lợi

Trong thời gian qua, hoạt động KH&CN của tỉnh đã thu được một số kết quả, trong đó có một phần đóng góp của công tác Kế hoạch - Tài chính. Một số văn bản định hướng quan trọng trong công tác KH&CN đã được Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành như: Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt dự án “Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020”; Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt “Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Giang”.

Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1921/KH-UBND ngày 29/7/2013 về việc thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

Công tác chuyên môn cũng được các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và các đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh chủ động triển khai thực hiện bám sát với chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo của UBND tỉnh. Công tác xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu kế hoạch được thực hiện đúng tiến độ, đổi mới và chặt chẽ, góp phần cùng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, Hội đồng KH&CN các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai công

việc theo đúng kế hoạch. Giám đốc Sở ban hành Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sự nghiệp KH&CN năm 2013 từ cuối tháng 12/2012 cho các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, 17 sở, ban, ngành của tỉnh và 10 huyện, thành phố.

Sở Khoa học và Công nghệ đã tích cực, chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch như: Kế hoạch số 14 ngày 23/3/2013 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 và NQ của HĐND tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013; Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2013 và các năm tiếp theo; Kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ năm 2014; Kế hoạch triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết năm 2015 thực hiện Kết luận số 30-KL/TU ngày 18/9/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về một số nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết năm 2015. Xây dựng Chương trình vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020. Đề xuất, kiến nghị những vấn đề liên quan đến xây dựng Chiến lược quy hoạch tổng thể các khu công nghệ cao của Việt Nam.

Tham gia đóng góp ý kiến vào nhiều văn bản quan trọng như: Dự thảo sửa đổi Hiến pháp; Dự thảo Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi); Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Dự thảo Nghị định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ sửa đổi; Dự thảo bổ sung Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ về phí, lệ phí; Dự thảo quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh; Dự thảo Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang...

Bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ chuyên môn, Sở Khoa học và Công nghệ còn làm tốt công tác tổng kết, đánh giá những kết quả đã đạt được, trên cơ sở đó tìm ra những tồn tại, hạn chế đồng thời kiến nghị, đề xuất những giải pháp để khắc phục trong thời gian tới như: Tổng kết 10 năm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; Tổng kết 9 năm thi hành Luật Kế toán; Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII; Sơ kết việc thực hiện Chương trình đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển công nghiệp dịch vụ giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Giang; Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Kết quả thực hiện Đề án Bảo vệ môi trường sông Cầu; Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định 115 của Chính phủ; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ biện pháp 6 tháng cuối năm; Báo cáo cung cấp thông tin sau 5 năm hội nhập của tỉnh Bắc Giang...

Tổ chức thẩm định kinh phí các đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ cấp nhà nước, cấp tỉnh. Giao bổ sung kinh phí, giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2013 cho các đơn vị trực thuộc Sở. Giao kinh phí bổ sung thực hiện chênh lệch tiền lương, phụ cấp cho các đơn vị trực thuộc Sở; rà soát các quy trình thủ tục thanh toán kinh phí Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ và kinh phí quản lý hành chính. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2013 của Sở Khoa học và Công nghệ; thẩm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2012 đối với các đơn vị trực thuộc Sở.

Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng KH&CN tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Hội đồng. Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt 08 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện năm 2013 (đợt 2) và 12 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện năm 2014. Xây dựng kế hoạch để các

thành viên Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện và tình hình ứng dụng, nhân rộng kết quả của 06 đề tài, dự án KH&CN cấp nhà nước, cấp tỉnh triển khai trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, cấp nhà nước. Tổ chức hội nghị gặp mặt các chủ nhiệm đề tài, dự án để bàn giải pháp nâng cao chất lượng các đề tài, dự án.

Mặc dù khối lượng công việc thực hiện tương đối lớn, song với sự nỗ lực cố gắng của mỗi cán bộ, sự chỉ đạo kịp thời của Lãnh đạo Sở, sự phối kết hợp chặt chẽ của các phòng, đơn vị có liên quan, các nhiệm vụ của công tác Kế hoạch - Tài chính trong thời gian qua đã cơ bản hoàn thành.

Phát huy những kết quả đã đạt được, hướng tới kỷ niệm 52 năm ngày thành lập ngành Khoa học và Công nghệ Bắc Giang, đội ngũ cán bộ làm công tác Kế hoạch - Tài chính phấn đấu trong thời gian tới tiếp tục cải tiến để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác chuyên môn, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ của Sở, đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

Ngọc Hân

Anh đi làm khoa học

*Khoa học để lại cho đời
Nâng cao trình độ cho người nông dân
Cầm tay chỉ dẫn ân cần
Nói xa cũng đến, nói gần cũng qua
Cho lúa trĩu hạt mận mà tình quê
Anh đi anh ở quê nhà
Lòng còn vẫn nhớ ngày về quê em
Biogas đun nấu thật sang
Môi trường trong sạch, xóm làng nhớ anh./.*

THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU - ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TỈNH BẮC GIANG

Trương Thị Hồng Minh

Bắc Giang là một tỉnh miền núi, nền nông nghiệp còn lạc hậu; trình độ dân trí chưa cao... nên việc bắt nhịp, hội nhập với thế giới và các địa phương khác trong nước về nhiều mặt, trong đó có phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) còn nhiều khó khăn. Song dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bắc Giang đã phát triển và ứng dụng các thành tựu của KH&CN vào công cuộc xây dựng tỉnh nói riêng, đất nước nói chung. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự phát triển của KH&CN tỉnh vẫn còn hạn chế; một số địa phương, các doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đến hoạt động KH&CN; KH&CN chưa thật sự đóng vai trò động lực, chưa trở thành quốc sách hàng đầu trong chiến lược phát triển của địa phương;... Do đó đây là vấn đề cấp thiết cần phải được khắc phục trong thời gian tới để tỉnh Bắc Giang có được tiềm lực KH&CN phát triển nhanh hơn, vững mạnh hơn, thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp:

Xây dựng cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

Xây dựng quy chế phân công, phân cấp nâng cao vai trò, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ. Mỗi thành viên Hội đồng với tư cách là nhà khoa học cũng như quản lý một lĩnh vực kinh tế - xã hội nhất định, giúp cho việc tham mưu, tư vấn những vấn đề cụ thể về hoạt động KH&CN trong mọi lĩnh vực, đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời gắn trách nhiệm, quyền hạn của các ngành, các cấp trong việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đánh giá, đề xuất các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên của ngành, địa phương trước khi trình Hội đồng khoa học công nghệ tỉnh để khắc phục tình trạng trùng lặp

nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Mặt khác, để các nhiệm vụ KH&CN bám sát với nhu cầu thực tiễn cần xây dựng cơ chế đặt hàng trực tiếp giữa đơn vị sản xuất với đơn vị nghiên cứu và các nhà khoa học.

Phát huy cơ chế đặt hàng từ thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, định hướng phát triển khoa học và công nghệ hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng định hướng nghiên cứu - ứng dụng theo năm kế hoạch (từ quý I trong năm) sau đó gửi thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm kế hoạch tiếp theo. Các đề tài, dự án được đề xuất hoặc đặt hàng trực tiếp từ các sở, ban, ngành, UBND các huyện,... được lập thành danh mục ưu tiên đưa vào kế hoạch hàng năm. Sau khi tham khảo ý kiến của các ngành liên quan, Hội đồng KH&CN, các đề tài, dự án này sẽ được đặt hàng trực tiếp đến nhà khoa học nghiên cứu hoặc tổ chức hội đồng tuyển chọn đơn vị và cá nhân chủ trì thực hiện.

Đối với phương thức tuyển chọn, tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện và mở rộng theo nguyên tắc cạnh tranh, dân chủ, bình đẳng và công khai, dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng, giúp cho việc đánh giá đúng tính khả thi của từng đề tài, dự án để đầu tư từ nghiên cứu - thử nghiệm - triển khai trên cơ sở chặt chẽ về tiêu chuẩn và nội dung ứng dụng. Phương thức giao trực tiếp các đề tài, dự án được giao cho những đơn vị có đủ nguồn lực thực hiện. Triển khai các đề tài, dự án dựa vào đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, của cơ sở; đề tài triển khai có địa chỉ ứng dụng cụ thể. Mạnh dạn đầu tư cho những đề tài, dự án nghiên cứu tạo ra sản phẩm



Tuyển chọn cơ quan chủ trì “Xây dựng phần mềm một cửa điện tử liên thông cấp huyện trên nền tảng mã nguồn mở”.

mang tính thương mại.

Cần xây dựng chương trình liên kết, tạo bước đột phá cho những hoạt động nghiên cứu như liên kết sản xuất giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, các địa phương... Thực hiện việc kết nối giữa những người có khả năng nghiên cứu khoa học với những đơn vị có nhu cầu ứng dụng nghiên cứu khoa học; gắn kết nghiên cứu - triển khai với yêu cầu phát triển thị trường công nghệ. Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố có trách nhiệm chủ động đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo tinh thần của Luật KH&CN).

Thực hiện cơ chế quản lý tài chính theo hướng phát huy, tôn trọng quyền tự chủ trong hoạt động KH&CN

Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ KH&CN và áp dụng khoán kinh phí nghiên cứu khoa học theo Thông tư Liên tịch số 93 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học - Công nghệ và Quyết

định số 70/UBND về cơ chế khoán kinh phí nghiên cứu khoa học và định mức dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện cơ chế và mối liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước – nhà khoa học – nhà doanh nghiệp và người sản xuất trong quá trình xác định nhiệm vụ, hợp đồng, triển khai nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn để thực sự khuyến khích hoạt động này. Áp dụng cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ vào sản xuất theo Nghị định 119/NĐ- CP về chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào KH&CN.

Xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Cần tạo điều kiện cho việc thương mại hóa các thành quả khoa học và công nghệ. Các đối tượng sở hữu công nghiệp như kiểu dáng công

nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích, tạo ra bước ngoặt về nhận thức của đông đảo doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp thấy được sự cần thiết phải bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp song song với đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và đặc biệt là việc mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực.

Tổ chức tổng kết nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà, xây dựng và phát triển thị trường công nghệ, mở các gian hàng giao dịch công nghệ, công bố các sản phẩm công nghệ mới của địa phương và phù hợp với điều kiện của địa phương tiến tới hình thành chợ công nghệ hàng năm. Tổ chức, tạo mối liên kết chặt chẽ giữa người nghiên cứu và người sản xuất.

Tăng cường hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Các kết quả nghiên cứu được đăng tải trên ấn phẩm Thông tin KH&CN, trên truyền hình địa phương... bằng các chuyên mục khoa học và đời sống. Tạo nhiều cơ hội, khả năng tiếp cận thông tin KH&CN cho người dân thông qua việc tuyên truyền các tiến bộ KH&CN trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hội nghị, hội thảo đầu bờ để đưa các thành tựu KH&CN đến gần nhất với người dân.

Nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy tổ chức khoa học và công nghệ cấp huyện

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ ở các huyện, thành phố thiếu cán bộ chuyên trách; hoạt động của Hội đồng KH&CN ở một số huyện chưa được phát huy, chưa tham mưu, định hướng giúp UBND huyện xây dựng được kế hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn. Do vậy, cần từng bước xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý KH&CN cấp huyện, thành phố theo đó cần có cán bộ chuyên trách tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện, thành phố về định hướng quản lý, hoạt động KH&CN trên địa bàn theo Nghị định số 14/NĐ-CP của Chính phủ.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao năng lực cho các Trung tâm chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh

Các đơn vị như: Trung tâm UDTB-KH&CN,

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm, Trung tâm Khuyến công, Trung tâm Y tế dự phòng,... cần đầu tư tiềm lực để các cơ sở này trở thành đơn vị đầu mối cho việc tiếp nhận, thử nghiệm và ứng dụng, chuyển giao các thành tựu, các tiến bộ KH&CN vào đời sống và sản xuất. Khuyến khích hoạt động của các đơn vị dịch vụ KH&CN công lập và ngoài công lập.

Xã hội hóa hoạt động KH&CN

Đơn vị quản lý nhà nước về KH&CN đóng vai trò là cơ quan tham mưu, định hướng, giám sát hoạt động KH&CN trên địa bàn và đầu tư một phần kinh phí phát triển KH&CN. Bên cạnh đó, khuyến khích sự đầu tư, nghiên cứu phát triển KH&CN của các tổ chức, cá nhân, bởi khi tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn ra để thực hiện thì sẽ nâng cao trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả của hoạt động nghiên cứu - ứng dụng KH&CN.

Trong thời gian tới, tiếp tục tập trung thực hiện một số nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ: Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; cơ chế giao trực tiếp, tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; quy định về triển khai thực hiện, đánh giá, nghiệm thu các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; khen thưởng; quản lý kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu; quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ KH&CN; quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện/TP, ngành; đăng tải các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao các thành tựu, kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế./.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA HOẠT ĐỘNG TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG NĂM 2013 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

Nguyễn Thị Phương Lan

Cùng với sự phát triển vượt bậc của ngành khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang trong 52 năm qua, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng (TCĐLCL) đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Với sự nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức của toàn thể cán bộ công chức, viên chức và lao động của Chi cục TCĐLCL Bắc Giang, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã đạt được những thành tích đáng kể, những kết quả đó đã được các cấp, các ngành ghi nhận và là động lực để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động TCĐLCL trong những năm tiếp theo.

Trong giai đoạn 2011-2013 Chi cục TCĐLCL đã tham mưu cho Sở KH&CN thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước về TCĐLCL trên địa bàn tỉnh, một số kết quả nổi bật trên các lĩnh vực cụ thể sau:

Về công tác tham mưu

Trong giai đoạn 2011-2013, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tham mưu Lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ban hành một số văn bản phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về hoạt động TCĐLCL trên địa bàn tỉnh: Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Dự án: Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 315/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 18/3/2013 về việc Phê duyệt Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011- 2015 của tỉnh Bắc Giang.

Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Với nhiệm vụ là cơ quan tham mưu giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về TCĐLCL trên địa bàn tỉnh, Chi cục TCĐLCL đã thường xuyên thực hiện rà soát các văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý, kịp thời có những kiến nghị, đề xuất để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản, quy định mới của cấp trên. Thực hiện cập nhật, tiếp cận nhanh với những văn bản QPPL mới để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan nắm bắt và tổ chức thực hiện. Chi cục TCĐLCL đã tổ chức các hội nghị hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản, quy định mới liên quan đến lĩnh vực hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có liên quan trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra còn đưa nội dung của các văn bản QPPL đó lên các trang thông tin điện tử của Sở KH&CN, của Chi cục và đăng trên ấn phẩm Thông tin KH&CN của Sở để các tổ chức, cá nhân tìm hiểu. Cùng với công tác tuyên truyền, Chi cục TCĐLCL đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định của các văn bản QPPL đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan, điển hình là các cuộc kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại 10 doanh nghiệp năm 2011, kết quả việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại các doanh nghiệp được thực hiện tương đối tốt. Cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại 25 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2012. Kết quả: Kiểm tra được 24/25 doanh nghiệp (01 doanh nghiệp có văn bản xin hoãn), qua đó nhận thấy ý thức chấp



Kiểm định Taximet trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa cao. Từ kết quả kiểm tra, Đoàn đã tham mưu lãnh đạo Chi cục kiến nghị Sở KH&CN tăng kinh phí tuyên truyền, phổ biến các quy định về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong năm 2013; tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đồng thời tiến hành xử phạt các doanh nghiệp vi phạm theo quy định của pháp luật. Cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về TCĐLCL trong hoạt động kinh doanh LPG và xăng dầu của 400 cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2013, kết quả kiểm tra đã phát hiện những cơ sở kinh doanh chưa thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về TCĐLCL trong hoạt động kinh doanh các mặt hàng trên để kịp thời nhắc nhở, yêu cầu các cơ sở khắc phục ngay những thiếu sót, tồn tại.

Chi cục thành lập Phòng TBT để thực hiện nhiệm vụ thông báo, hỏi, đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, thường xuyên khai thác

thông tin từ Văn phòng TBT Việt Nam, tìm hiểu các quy định về hàng rào thương mại của các nước để biên dịch lại, kịp thời đưa các thông tin đó đến với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức: Trả lời hỏi đáp trực tiếp qua điện thoại; trao đổi thông tin qua trang thông tin điện tử của Sở, của Chi cục, xuất bản bản tin TBT thông báo thường kỳ mỗi tháng 2 số. Thực hiện việc thông báo hàng rào kỹ thuật trong thương mại đã giúp cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh nắm bắt kịp thời những quy định của Nhà nước Việt nam cũng như những quy định của các nước trên thế giới, từ đó tránh được những sai sót, tổn thất trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong 3 năm 2011- 2013 đã xuất bản được 72 số bản tin TBT; tra cứu thông tin trên trang thông tin điện tử của Chi cục (đến nay đã có 375.000 lượt người truy cập).

Năm 2013 Chi cục đã thực hiện 4 cuộc kiểm tra: Kiểm tra, mua mẫu đánh giá hàng Tết Nguyên đán năm 2013 và gửi công văn thông

báo kết quả kiểm tra, đánh giá hàng Tết năm 2013 đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền để kịp thời xử lý. Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Gà đồi Yên thế” tại huyện Yên Thế, chợ đầu mối Hà Vĩ và một số siêu thị tại Hà Nội: Coopmart, Big C, Công ty Thành Đồng; cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Gà đồi Yên thế” cho 20 hộ cá nhân tiêu thụ; 01 Hội Chăn nuôi và Tiêu thụ gà đồi Yên Thế; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cung cấp sản phẩm “Gà đồi Yên Thế” cho thị trường thành phố Hà Nội dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013; tổ chức đi xác minh thông tin trên báo chí đưa tin siêu thị Big C Thăng Long vi phạm việc ghi nhãn hàng hóa có sử dụng tên địa danh Yên Thế. Hiện tại đang hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận gà đồi Yên Thế cho UBND huyện Yên Thế. Kiểm tra, giám sát hoạt động cân đối chứng tại: 46 chợ thuộc 10 huyện, TP trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch của Ban Chỉ đạo ISO tỉnh thành lập đoàn kiểm tra, đã tiến hành kiểm tra các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh áp dụng ISO 9001:2008.

Các cuộc kiểm tra đều được thực hiện đúng quy định từ khâu lập kế hoạch đến tiến hành kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra.

Ngoài ra, Chi cục còn tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành do các Sở, ngành tổ chức (Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở VHTTDL, Sở TTTT, Sở Y tế, Ngân hàng NN&PTNT...). Cụ thể:

Phối hợp kiểm tra thanh tra liên ngành về mũ bảo hiểm và xăng dầu trên địa bàn tỉnh do Cục Quản lý Chất lượng chủ trì; Đoàn kiểm tra doanh nghiệp do phòng Quản lý Công nghệ - Sở KH&CN chủ trì; Đoàn kiểm tra liên ngành về kiểm tra hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ do Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh chủ trì.

Phối hợp với Thanh tra Sở tiến hành các cuộc thanh tra về TCĐLCL luôn được Chi cục quan tâm, tham gia phối hợp đầy đủ, trách nhiệm.

Hàng năm căn cứ kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí được Sở KH&CN giao cho việc đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, Chi cục tiến hành rà soát trình độ chuyên môn, trình độ QLNN của CCVC hiện có để lập kế hoạch đào

trào, tập huấn, bồi dưỡng, đảm bảo việc cử đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đúng nhu cầu của Chi cục, đúng tiêu chuẩn quy định của Nhà nước và đúng yêu cầu của đơn vị đào tạo. Các CCVC được cử đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, trình độ QLNN đều được thông báo công khai, trong quá trình tham gia học tập nghiêm túc, kết quả học tập tốt, các CCVC được cử đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đều được các cơ sở đào tạo đánh giá tốt, sau đào tạo về làm việc đáp ứng được yêu cầu của công việc chuyên môn. Ngoài việc cử CCVC của Chi cục đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm Chi cục còn tổ chức các lớp đào tạo về nghiệp vụ TCĐLCL cho nhân viên của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Cụ thể trong 3 năm 2011-2013 Chi cục đã tổ chức 02 lớp đào tạo nghiệp vụ về đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho 135 nhân viên của các cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn toàn tỉnh. 02 lớp đào tạo về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính cho gần 150 lượt cán bộ của các cơ quan hành chính trong tỉnh. Hoạt động xã hội hóa về TCĐLCL được Chi cục quan tâm thực hiện mang lại nhiều hiệu quả thiết thực. Thực hiện việc trang bị và duy trì hoạt động cân đối chứng tại 46 điểm chợ trên địa bàn toàn tỉnh, việc duy trì cân đối chứng tại các chợ đã giúp cho người tiêu dùng có thể trực tiếp cân đối chứng hàng hóa, kịp thời phát hiện những trường hợp gian lận về đo lường trong kinh doanh, từ đó hạn chế tình trạng cân thiếu, góp phần làm lành mạnh thị trường. Thực hiện việc giám sát, mua mẫu hàng hóa vào các dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu; những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, nhạy cảm để phân tích, kiểm nghiệm chất lượng, kiểm tra về định lượng, kiểm tra về tiêu chuẩn, quy định nhãn hàng hóa, để kịp thời thông báo cho các cơ quan chức năng thực hiện công tác quản lý, đồng thời thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để người tiêu dùng nắm được, tránh mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng không đủ định lượng, góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, đồng thời hạn chế sai phạm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Kết quả hoạt động sự nghiệp về TCĐLCL

Hoạt động kiểm định phương tiện đo, thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa được thực hiện tại Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL- đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục TCĐLCL. Là đơn vị mới được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2012 nhưng với sự nỗ lực của tập thể viên chức và lao động hợp đồng của Trung tâm, sự quan tâm đầu tư về nhân lực, trang thiết bị, kinh phí của Lãnh đạo Sở KH&CN cho Trung tâm, hoạt động dịch vụ về TCĐLCL đã được triển khai thực hiện tốt, đến nay hoạt động của Trung tâm đã đi vào nề nếp và ổn định. Các quy trình thực hiện kiểm định, thực hiện thử nghiệm được tuân thủ theo đúng các quy định đã được Tổng cục TCĐLCL ban hành; các quy trình này được Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL xây dựng thành quy trình ISO để các cán bộ kỹ thuật căn cứ thực hiện. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính sau khi bãi bỏ Thông tư số 83/TT-BTC về mức thu phí, lệ phí trong hoạt động kiểm định, kiểm nghiệm, Chi cục TCĐLCL đã ban hành mức thu phí dịch vụ kiểm định, thử nghiệm tại Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL, mức thu phí dịch vụ được niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận các dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm để khách hàng biết, theo dõi, đối chiếu. Kinh phí thu được từ hoạt động dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm được sử dụng theo đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn 2011-2013, Trung tâm đã thực hiện kiểm định được hàng chục nghìn phương tiện đo các loại, thử nghiệm hàng trăm mẫu sản phẩm, hàng hóa. Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL đã thực hiện đào tạo ISO 9001:2008 cho 03 doanh nghiệp là Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp, Công ty TNHH Kỹ thuật Điện HTT, Công ty CP Xây lắp điện Bắc Giang về nhận thức chung tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho 63 lượt người. Kết quả là các cán bộ, công nhân viên của các công ty đã có nhận thức sơ bộ về tiêu chuẩn ISO, các điều khoản tiêu chuẩn, các nguyên tắc quản lý chất lượng.

Ngoài các hoạt động về chuyên môn, Chi cục TCĐLCL thường xuyên quan tâm đến việc tuyên truyền, rèn luyện đạo đức, tư tưởng cho CCVC trong cơ quan, thực hiện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập thể CCVC và người lao động trong Chi cục TCĐLCL luôn

đoàn kết, thống nhất trong mọi hoạt động, nghiêm túc chấp hành các quy định về quy chế làm việc, quy chế văn hóa công sở và các quy định khác của pháp luật. Vì vậy trong 3 năm 2011- 2013 Chi cục TCĐLCL luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chuyên môn, các hoạt động đoàn thể được đánh giá tốt, không có CCVC vi phạm kỷ luật, nhiều CCVC được Bộ KH&CN, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở KH&CN khen thưởng, công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

Định hướng nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong thời gian tới

Với mục tiêu đẩy mạnh phát triển hoạt động khoa học và công nghệ, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt, tạo môi trường và động lực để nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay. Đến năm 2015, phấn đấu hoàn thành có hiệu quả kế hoạch 5 năm 2010-2015 của tỉnh trước mắt cần phải đề ra những giải pháp hữu hiệu để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

Với nguồn nhân lực hiện có của Chi cục TCĐLCL, cần phải bố trí lại cho phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng làm việc. Để giải quyết nhiệm vụ này Sở KH&CN thống nhất với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh bổ sung biên chế cho Trung tâm Kỹ thuật.

Tổ chức đào tạo về kiểm định viên, kiểm nghiệm viên đối với một số viên chức mới được tuyển dụng ở Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL. Đào tạo thêm về chuyên môn thuộc lĩnh vực TCĐLCL đối với một số công chức hiện có của Chi cục. Để giải quyết nhiệm vụ này Sở KH&CN sẽ xem xét tăng đầu tư kinh phí đào tạo nghiệp vụ hàng năm cho Chi cục và Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL.

Thực hiện tốt việc Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức của Chi cục đảm bảo đủ và đúng với chức năng, nhiệm vụ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng kế hoạch hàng năm để rà soát, bổ sung cơ cấu, kịp thời tiếp nhận, điều động, luân chuyển công chức, viên chức cho phù hợp với

thực tế hoạt động của Chi cục. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Chi cục TCĐLCL trong những năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 2010-2015. Sở KH&CN sẽ tập trung chỉ đạo sâu sát các hoạt động TCĐLCL, nhất là việc xây dựng kế hoạch hoạt động và kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ cho hoạt động TCĐLCL năm 2014-2015, tập trung xây dựng kế hoạch hoạt động theo mục tiêu, nội dung của Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động của Chi cục TCĐLCL đến năm 2015” đã được Giám đốc Sở chỉ đạo xây dựng; bố trí kinh phí để Chi cục thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể, đạt được những mục tiêu đề án đã đặt. Tăng mức đầu tư kinh phí thường xuyên hoạt động sự nghiệp TCĐLCL cho Chi cục hàng năm từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh, trước mắt đáp ứng nhu cầu kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể trong đề án. Tích cực vận động sự đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh cho hoạt động xã hội hóa về TCĐLCL. Gắn kết hoạt động quản lý nhà nước về TCĐLCL với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, để hoạt động quản lý nhà nước về TCĐLCL thực sự là cầu nối, là bạn đồng hành cùng các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó để các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh sẵn sàng đầu tư kinh phí để thực hiện tốt và đầy đủ các quy định của pháp luật về TCĐLCL. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Chi cục TCĐLCL trong thời gian tới cần phải đầu tư,

trang bị hệ thống máy móc, trang thiết bị mới, đồng bộ. Năm 2014 - 2015 tập trung đầu tư, trang bị cho Chi cục TCĐLCL một số máy móc, trang thiết bị để hoàn thành những nhiệm vụ đã nêu trong Đề án.

Xây dựng chương trình phối hợp hoạt động hàng năm giữa Sở KH&CN với các Sở quản lý chuyên ngành về hoạt động TCĐLCL. Xây dựng phương án hoạt động dịch vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Từng bước đẩy mạnh hoạt động dịch vụ TCĐLCL trong những năm tới. Từ đó làm cơ sở để xây dựng cơ chế khuyến khích hoạt động của công chức, viên chức và người lao động của Chi cục. Xây dựng đề án về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức, đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đồng thời đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ trong những năm tới đây.

Với truyền thống bề dày 52 năm của ngành KH&CN tỉnh Bắc Giang, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế trong tiến trình hội nhập hiện nay. Hy vọng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động của Chi cục TCĐLCL, cùng với sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư cơ sở vật chất, tài chính và nhân lực hoạt động TCĐLCL, chắc chắn hiệu quả của hoạt động TCĐLCL Bắc Giang sẽ được nâng lên một bước đáng kể./.

HỆ THỐNG THÔNG TIN - Arc.GIS...

(Tiếp trang 38)

...Với công tác quản lý đầy đủ và linh hoạt của GIS như vậy. Vừa qua được sự đồng ý của Giám đốc Sở, Phòng Quản lý Chuyên ngành đã cộng tác với nhóm chuyên gia công nghệ thông tin và chuyên gia điện tử hạt nhân của Trung tâm Đánh giá không phá hủy thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam đã xây dựng lớp bản đồ chuyên ngành Arc.GIS (**Hệ thống quản lý phóng xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**) đây là lớp cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin địa lý của địa phương. Hệ thống Arc.GIS cung cấp những số liệu mới, cập nhật thường xuyên những thay đổi, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về môi trường phóng xạ hạt nhân của tỉnh luôn luôn mới, đáp ứng đầy đủ những thông tin cần thiết phục vụ chung cho toàn tỉnh, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ một cách nhanh chóng và chính xác nhất, từ đó đề ra các biện pháp ứng phó về sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn toàn tỉnh một cách an toàn và tốt nhất góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường./.

HOẠT ĐỘNG THANH TRA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Ngọc Hảo

Thanh tra là chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý nhà nước, là phương tiện đảm bảo pháp chế, tăng cường kỷ cương và hiệu lực trong quản lý nhà nước. Đặc trưng quản lý nhà nước là quản lý bằng pháp luật. Hoạt động thanh tra nhằm góp phần làm cho pháp luật được thực hiện.

Thanh tra khoa học và công nghệ (KH&CN) được thành lập và có hệ thống tổ chức thống nhất từ Trung ương đến các địa phương với chức năng nhiệm vụ: Thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật của Nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ-hạt nhân, sở hữu trí tuệ; các lĩnh vực khác thuộc sự quản lý của ngành đối với các tổ chức, cá nhân và chức năng thanh tra hành chính đối với nội bộ đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của thủ trưởng cùng cấp, đồng thời giúp thủ trưởng cùng cấp giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2009 đến nay, Thanh tra KH&CN Bắc Giang đã tổ chức triển khai 22 cuộc thanh tra với 1.280 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn (tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 1.181 lượt cơ sở; an toàn bức xạ: 47 lượt cơ sở; tổ chức hoạt động KH&CN: 18 cơ sở; tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án: 12 cơ sở; thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng các đơn vị trực thuộc Sở quản lý: 6 lượt). Qua thanh tra đã phát hiện 168 cơ sở vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính và thu nộp ngân sách trên 300 triệu đồng, số hàng hóa tịch thu tiêu hủy ước tính khoảng 24 triệu đồng, các hành vi vi phạm chủ yếu là lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Ngoài công tác triển khai nhiệm vụ thanh tra KH&CN theo kế hoạch, hàng năm dưới sự chỉ đạo của Bộ KH&CN, Thanh tra KH&CN Bắc Giang đã tổ chức triển khai nhiều cuộc

thanh tra chuyên đề và đã tạo được dư luận tốt trong xã hội, từng bước chấn chỉnh được nhiều sai phạm góp phần tạo nên thị trường kinh doanh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng, đồng thời qua thanh tra công tác quản lý nhà nước về KH&CN cũng được cải thiện đáng kể. Điển hình như các cuộc thanh tra chuyên đề về đo lường, chất lượng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mũ bảo hiểm; hàng đóng gói sẵn; an toàn bức xạ và thanh tra chuyên đề về sản phẩm thiết bị điện - điện tử.

Năm 2012, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Công Thương, Công an tỉnh triển khai cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, LPG trên địa bàn tỉnh. Đoàn kiểm tra liên ngành đã kiểm tra 07 doanh nghiệp tổng đại lý và 147 cửa hàng (đại lý) kinh doanh xăng dầu trực thuộc hệ thống phân phối của 08 tổng đại lý trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra đã phát hiện 08 vụ vi phạm, đã xử phạt vi phạm hành chính 08 vụ với tổng số tiền phạt là 92.500.000 đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu: Sử dụng phương tiện đo sai, hỏng không đạt yêu cầu về đo lường theo quy định; sử dụng nhân viên bán hàng không có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về kỹ thuật an toàn phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định; không có bảng niêm yết giá và thời gian bán hàng; không thực hiện đúng quy định về ghi nhãn hàng hóa... Bên cạnh đó, một số cửa hàng còn có những sai sót về thực hiện các điều kiện kinh doanh nhưng chưa đến mức phải xử phạt vi phạm hành chính, Đoàn thanh tra đã nhắc nhở và yêu cầu chủ doanh nghiệp kịp thời khắc phục. Về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, Đoàn thanh tra liên ngành đã tiến hành thanh tra 07 tổng đại lý, đại lý và 33 cửa hàng bán LPG chai trên địa bàn 10 huyện, thành phố. Qua thanh tra đã phát hiện 02 vụ vi phạm về niêm yết giá và bán LPG

chai ngoài hộp đồng, đã xử phạt vi phạm hành chính 02 vụ với số tiền là 11.000.000 đồng.

Nổi bật là cuộc thanh tra chuyên đề năm 2013 về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp đối với 59 cơ sở kinh doanh sản phẩm thiết bị điện, điện tử trên địa bàn 10 huyện, thành phố. Qua đó cho thấy, tỷ lệ vi phạm quy định về sở hữu công nghiệp, đo lường và chất lượng sản phẩm thiết bị điện, điện tử không nhiều, các hành vi vi phạm chủ yếu là về nhãn hàng hóa, gắn dấu CR, không lưu giữ và lưu giữ không đầy đủ hồ sơ chất

lượng của nhà sản xuất, nhập khẩu. Qua cuộc thanh tra đã phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa, sở hữu công nghiệp đối với các nhóm sản phẩm là thiết bị điện, điện tử. Tạo bước chuyển biến về nhận thức, ý thức và hành động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu trong việc thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Sở hữu trí tuệ, Pháp lệnh Đo lường và Nghị định số 89/NĐ-CP của Chính phủ...; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành trong công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ trên địa bàn.

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh Bắc Giang, Thanh tra tỉnh Bắc Giang, Thanh tra Sở đã có nhiều biện pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở xây dựng chương trình hành động để phổ biến, tuyên truyền về pháp luật phòng, chống tham nhũng và thực hiện phòng chống tham nhũng trong đơn vị mình. Các đơn vị đã có nhiều biện pháp thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, kiên quyết xử lý kỷ luật với những sai phạm của CBCC, VC để nâng



Thanh tra đồ chơi trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

cao ý thức kỷ luật, ý thức tự giác trong việc thực hiện pháp luật.

Cùng với hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, với sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành chức năng liên quan; sự chỉ đạo sát sao của Thanh tra Bộ KH&CN, Thanh tra tỉnh, lãnh đạo Sở KH&CN, hoạt động thanh tra sở KH&CN Bắc Giang trong những năm qua đã nỗ lực đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, làm thay đổi đáng kể nhận thức của các tổ chức, cá nhân về ý thức chấp hành pháp luật, các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN; nguồn nhân lực cũng như các trang thiết bị thiết yếu được đầu tư đáp ứng đảm bảo hoạt động thanh tra trên các lĩnh vực quản lý của ngành.

Trong thời gian tới, Thanh tra KH&CN Bắc Giang tiếp tục bám sát nội dung chỉ đạo theo từng chuyên đề của Bộ KH&CN và nội dung kế hoạch thanh tra KH&CN hàng năm, tranh thủ sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan và đặc biệt là sự đồng tình, ủng hộ của xã hội nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn./.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ NÔNG DÂN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Dương Đại Tân

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, việc không ngừng sáng tạo và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống là động lực trực tiếp của sự phát triển. Đặc biệt, tỉnh Bắc Giang với trên 70% dân số là nông dân thì những thành quả của khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống của nông dân càng có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH của tỉnh

Với quan điểm đó, những năm qua hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đã không ngừng đổi mới và phát huy hiệu quả thông qua việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ và góp phần nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa của tỉnh. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng thành tựu về công nghệ sinh học thông qua việc tuyển chọn, nhân rộng các mô hình nghiên cứu thử nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, xử lý ô nhiễm môi trường... phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Trong lĩnh vực trồng trọt

- Duy trì, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Gạo thơm Yên Dũng” thuộc chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của Bộ KH&CN được triển khai tại hai xã Tư Mại và Cảnh Thụy huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP với quy mô hàng chục ha trên địa bàn thành phố Bắc Giang và các huyện Tân Yên, Việt Yên, Lạng Giang.

- Tiếp thu công nghệ và chuyển giao kỹ thuật trồng hoa chất lượng cao với các giống như: Lyly, loa kèn, hoa cúc tại thành phố Bắc Giang và các huyện: Việt Yên, Hiệp Hòa, Lục Ngạn.

- Trồng thử nghiệm thành công cây được

liệu Diệp hạ châu, Kim tiền thảo, nhân trần trên địa bàn huyện Sơn Động với quy mô 1,5 ha cây Diệp hạ châu, 1,5 ha cây nhân trần, 1,5 ha Kim tiền thảo.

Trong lĩnh vực chăn nuôi

- Nuôi thử nghiệm thành công tổ hợp lợn lai hướng nạc (Pietrein x Duroc x Móng Cái) tại huyện Lục Ngạn với quy mô 05 lợn nái lai F1 (Pietrein x Móng cái) và 30 lợn lai F2 (Duroc x Pietrein x Móng cái).

- Nuôi thử nghiệm tổ hợp lợn nái lai Meishan x Móng cái tại xã nông thôn mới Quang Tiến, huyện Tân Yên với quy mô 12 lợn nái F1 Meishan x Móng Cái.

- Nuôi thử nghiệm thành công giống cá chép lai 03 máu theo phương pháp thâm canh tại huyện Việt Yên, Yên Dũng và thành phố Bắc Giang quy mô 50.000 con cá chép lai.

Trong lĩnh vực ứng dụng các chế phẩm sinh học

- Sử dụng chế phẩm Fito-Biomix RR để xử lý gần 100 ha rơm rạ làm phân hữu cơ ngay tại ruộng tại một số xã nông thôn mới thuộc địa bàn các huyện Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên và thành phố Bắc Giang.

- Nghiên cứu thử nghiệm chế phẩm Banasa làm đệm lót sinh thái trong chăn nuôi gà, lợn cho hàng nghìn hộ gia đình nuôi gà, lợn trên địa bàn các huyện: Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Lục Ngạn, Lục Nam.

Trong lĩnh vực xử lý ô nhiễm môi trường

- Xây dựng mô hình áp dụng giải pháp kỹ thuật xây lò đốt rác thải y tế tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Chuyển giao hàng chục nghìn lít chế phẩm sinh học EMINA để xử lý ô nhiễm môi trường chuồng trại chăn nuôi, xử lý rác thải cho các hộ gia đình tại một số xã nông thôn mới

thuộc địa bàn các huyện Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên và thành phố Bắc Giang.

Để phát triển khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn, từ nay đến năm 2015 tập trung nâng cao năng lực làm chủ công nghệ, đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ trong các ngành, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế tỉnh như công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến nông thủy sản... Trong đó công nghệ sinh học thông qua hoạt động lai tạo giống cây con chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường và tiến lên mức công nghệ cao trên cơ sở nâng cao hàm lượng chất xám vào sản phẩm. Trong lĩnh vực trồng trọt tập trung nghiên cứu chọn tạo được nhiều giống cây trồng mới có năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh và ứng phó tốt trong điều kiện bất lợi của thiên nhiên và môi trường; xây dựng, bổ sung hoàn thiện một số quy trình kỹ thuật phù hợp của sản phẩm chủ lực là lúa, rau màu, góp phần giảm chi phí đầu vào, tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. Đồng thời, ứng dụng các thành tựu của công nghệ sinh học để hoàn thiện quy trình nhân giống cây sạch bệnh hoặc có khả năng kháng sâu bệnh cao...

Về thủy sản: Xây dựng công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm nhiều đối tượng có giá trị kinh tế cao, tạo ra bước ngoặt lớn cho nghề nuôi thủy sản của tỉnh, góp phần tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến xuất khẩu. Bên cạnh đó về công nghệ sau thu hoạch đẩy mạnh nghiên cứu thiết kế, phát huy sáng kiến kỹ thuật của người sản xuất để đưa vào sản xuất các máy móc phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp; nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ thích ứng trong bảo quản, chế biến nông sản...

Về chăn nuôi: Nghiên cứu, bảo tồn, chọn tạo các giống con mới có năng suất cao, phẩm chất tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao như lợn lai 3 máu, bò... để chọn ưu thế lai tốt, chọn tạo các giống gà, vịt siêu thịt và siêu trứng, theo hướng sạch, chất lượng. Chú trọng nghiên cứu một số mô hình chăn nuôi phù hợp, góp phần giảm chi phí đầu vào, tăng sản lượng và hiệu quả kinh tế. Đồng thời, ứng dụng công nghệ sinh học bằng việc sử dụng các vắc xin và chế phẩm sinh học

dùng cho nền độn lót sinh thái nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đối với nông dân: Đẩy mạnh việc xây dựng mô hình và tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản để cải thiện đời sống người dân. Đẩy mạnh hỗ trợ nông dân hoàn thiện sáng kiến kỹ thuật để phục vụ sản xuất, hỗ trợ nông dân đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao hiệu quả và phát triển theo hướng cơ giới hóa đồng ruộng. Tăng cường cung cấp kiến thức về KH&CN cho nông dân thông qua các trạm thông tin KH&CN cấp xã. Đẩy mạnh phổ biến kiến thức, các quy định quản lý Nhà nước về KH&CN để nông dân nâng cao kiến thức hiểu biết đúng pháp luật. Tăng cường hoạt động xây dựng nhãn hiệu hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa của tỉnh nhà ngày càng tốt hơn. Trong năm 2012 Dự án “cung cấp thông tin khoa học công nghệ từ tỉnh đến xã nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” đã trang bị cho 40 điểm cung cấp thông tin KH&CN tại 40 xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Để góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn phù hợp tiến trình phát triển hội nhập kinh tế quốc tế, với tiềm năng trí tuệ, tinh thần sáng tạo và đặc biệt là nguồn lực khoa học công nghệ đang được tăng cường theo tinh thần Quyết định 317/QĐ-TTG ngày 13/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ hoạt động KH&CN sẽ đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao nhiều công nghệ, thiết bị xử lý môi trường nước, không khí, rác thải ở nông thôn. Đẩy mạnh việc hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ người dân sản xuất vùng nông thôn ở các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và sản xuất tiểu thủ công nghiệp sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và hiệu quả. Xây dựng nhiều mô hình sản xuất trong các lĩnh vực theo hướng sạch và bảo vệ vùng sinh thái của nông thôn... tạo những đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nông nghiệp, nông dân và nông thôn của tỉnh trong những năm tới./.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CƠ SỞ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Chu Thị Huyền

Trong những năm qua, hoạt động KH&CN cấp cơ sở đã được các huyện và các ngành trong tỉnh đặc biệt quan tâm; trình độ KH&CN ngày càng được nâng cao. Việc ứng dụng những thành tựu KH&CN vào sản xuất đã được chú trọng nên năng suất, chất lượng của nhiều sản phẩm được nâng lên rõ rệt, diện mạo kinh tế - xã hội của tỉnh có những đổi thay tích cực, đời sống nhân dân được nâng cao. Hàng năm, hoạt động KH&CN cấp cơ sở đã được các cấp, các ngành quan tâm từ việc phân cấp và quy định chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức cơ quan chuyên môn cho phù hợp, tăng cường bổ sung về kinh phí, điều kiện cơ sở vật chất, thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động KH&CN của các ngành, huyện, thành phố, các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được đánh dấu bước phát triển rõ rệt.

Trong 6 tháng đầu năm 2013, hội đồng KH&CN các huyện, ngành, thành phố thường xuyên được kiện toàn khi có sự thay đổi, luân chuyển công tác của các thành viên hội đồng để đảm bảo hoạt động, một số hội đồng kiện toàn như: Hội đồng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bắc Giang, Hội Nông dân tỉnh, 100% hội đồng đã xây dựng quy chế hoạt động, phân công cụ thể trách nhiệm các thành viên để tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của ngành, địa phương. Các hội đồng đã chủ động tham mưu, đề xuất, tư vấn (xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, đề án của các ngành và các địa phương) duy trì hoạt động theo quy chế. Kết quả, hội đồng KH&CN cấp ngành, huyện đã họp từ 1-2 cuộc và tổ chức các hội đồng chuyên ngành xét duyệt thuyết minh, thẩm định kinh phí các đề tài, dự án, mô hình KH&CN cấp cơ sở thực hiện năm 2013, họp xét danh mục

đề xuất các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, cấp cơ sở thực hiện năm 2014.

Các hội đồng KH&CN cơ sở tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đúng quy định, đảm bảo tiến độ trong 6 tháng đầu năm như: Trường Chính trị tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh; các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế; các huyện: Thành phố Bắc Giang, Việt Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Yên Thế...

Việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án, mô hình KH&CN cấp cơ sở trong 6 tháng đầu năm 2013 được các sở, ngành, huyện, thành phố đang triển khai thực hiện 36/36 đề tài, dự án, mô hình KH&CN. Nhìn chung các đề tài, dự án, mô hình KH&CN được thực hiện đảm bảo tiến độ, tổ chức quản lý, kiểm tra đúng quy định. Một số đề tài tiêu biểu, bước đầu có hiệu quả tốt như: Đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng thuốc trừ sâu thảo mộc Anisaf SH-01 trong sản xuất chè tại huyện Yên Thế” (do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì); đề tài “Đánh giá thực trạng sử dụng quỹ KCB BHYT và đề xuất một số giải pháp nhằm bình ổn quỹ KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ 1/1/2012-30/6/2013” (do phòng Nghiệp vụ Sở Y tế chủ trì); đề tài: “Xây dựng hệ thống tài liệu rèn luyện kỹ năng nghe - nói môn tiếng Anh cho học sinh cấp THCS nhằm góp phần đổi mới việc kiểm tra đánh giá theo định hướng của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020” (do trường THPT chuyên Bắc Giang chủ trì); mô hình: Xây dựng mô hình xử lý rác thải trong trường học (do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì); mô hình: Xây dựng mô hình trồng Đào Nhật Tân trên đất đồi huyện Yên Thế (do Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật chủ trì); mô hình: Sản xuất rau an toàn trên giá thể hữu cơ (do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì); mô hình: Trồng thử nghiệm giống dưa Nhật Hami

trên địa bàn huyện Lục Nam (do Hội Nông dân tỉnh chủ trì); mô hình: Xây dựng mô hình trồng cây Thanh Long ruột đỏ (do phòng NN&PTNT huyện Sơn Động chủ trì); mô hình: Trồng chuối Tiêu Hồng nuôi cấy mô (do phòng NN&PTNT huyện Lục Nam chủ trì); mô hình: Trồng giống Lạc đỏ trên địa bàn huyện Yên Thế...

Bên cạnh đó, hầu hết các địa phương được quan tâm đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách của huyện, thành phố cho việc xây dựng các chương trình, mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống. Cụ thể như: Huyện Việt Yên đang triển khai 05 đề tài, dự án với tổng kinh phí 200 triệu đồng; huyện Lục Ngạn triển khai 19 mô hình với tổng kinh phí 250 triệu đồng; thành phố Bắc Giang đang triển khai 7 đề tài, mô hình với tổng kinh phí khoảng 250 triệu đồng; Trường Chính trị triển khai 4 đề tài với tổng kinh phí 75 triệu đồng...

Công tác thông tin, truyền truyền, tập huấn về KH&CN hầu hết được các huyện triển khai tốt, tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: Mở lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, hội thảo KH&CN, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện, xã, thôn, phát hành các tờ rơi, báo chí, ấn phẩm, lịch KH&CN đã đến tận bà con nông dân. Nhiều chương trình tập huấn giới thiệu văn bản quản lý KH&CN, các công nghệ mới, các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn được triển khai lồng ghép có hiệu quả, kịp thời, phù hợp với yêu cầu của bà con nông dân như: Kỹ thuật trồng và chăm sóc giống lúa chất lượng cao, trồng cây màu chịu hạn, trồng dong giềng, rau chế biến, cây ăn quả, trồng hoa chất lượng cao, nuôi cá giống, chăn nuôi gà,... Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2013, hầu hết các huyện, thành phố đã huy động bằng nhiều nguồn kinh phí, trong đó có nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN, các huyện, thành phố đã tổ chức được hàng trăm lớp tập huấn tiến bộ kỹ thuật cho hàng nghìn lượt người tham dự (Việt Yên: 141 lớp/4.766 lượt người tham dự; huyện Hiệp Hòa: 150 lớp/7.000 lượt người tham dự; thành phố Bắc Giang: 67 lớp/ 3.500 lượt người tham dự; Yên Thế: 197 lớp/3.800 lượt người tham dự; Lạng Giang:

85 lớp/1.200 lượt người; Yên Dũng: 65 lớp/900 lượt người tham dự; Lục Ngạn: 271 lớp/14.000 lượt người tham dự...). Bên cạnh đó, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN các huyện, thành phố đã phát hành hàng nghìn tờ rơi về quy trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cho bà con nông dân; phối hợp với Đài truyền thanh huyện, Đài truyền thanh thành phố, Đài truyền thanh cơ sở xã, phường đưa hàng trăm tin, bài về các hoạt động KH&CN diễn ra trên địa bàn các huyện, thành phố. Một số địa phương đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền trên Đài, báo của tỉnh, huyện, trên trang thông tin điện tử như: Thành phố Bắc Giang, Lạng Giang, Yên Thế, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn.

Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được các huyện và thành phố phối hợp chặt chẽ với các phòng, đơn vị chuyên môn của Sở KH&CN để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn; phối hợp xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh tại cơ sở. Công tác quản lý chất lượng, hàng hóa trên địa bàn các huyện, thành phố đã tập trung vào việc hướng dẫn các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực hiện các biện pháp chống hàng giả, hàng nhái và gian lận trong thương mại. Trong quản lý đo lường, hoạt động cân đối chứng được duy trì thường xuyên trên các chợ của 9 huyện và thành phố đã góp phần làm lành mạnh thị trường. Triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và chuyển đổi phiên bản mới ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính công của 9 huyện, thành phố và các sở, ngành cơ bản được thực duy trì thực hiện.

Vấn đề về sở hữu trí tuệ đang được đẩy mạnh trong thời gian gần đây, các địa phương, doanh nghiệp đã chủ động hơn trong việc xây dựng thương hiệu các sản phẩm truyền thống, đặc sản của địa phương, đăng ký, bảo hộ sở hữu công nghiệp. Hiện nay toàn tỉnh đã có 363 nhãn hiệu hàng hóa; 42 kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích, sáng chế được nhà nước cấp văn bằng bảo hộ. Trong đó có một số sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề như: Chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn, nhãn hiệu tập thể rượu làng Vân - Việt Yên, rượu Kiên Thành -

Lục Ngạn, mây tre đan Tăng Tiến - Việt Yên, gạo nếp Phì Điền - Lục Ngạn, mật ong xuất khẩu Lục Ngạn, mỳ Kế, gạo thơm Yên Dũng, mỳ Chũ - Lục Ngạn, vải sớm Phúc Hòa- Tân Yên,... và nhãn hiệu chứng nhận gà đôi Yên Thế. Các địa phương quan tâm, đề xuất, xây dựng, quản lý, quảng bá và phát triển các sản phẩm nông nghiệp, đặc sản và sản phẩm tiểu thủ công nghiệp đã được bảo hộ tại địa phương như: Huyện Lục Ngạn, Việt Yên, Yên Dũng, Tân Yên, Yên Thế và thành phố Bắc Giang.

Theo kế hoạch hàng năm, các huyện đều đã xây dựng chương trình phối hợp thanh, kiểm tra về KH&CN với Thanh tra Sở KH&CN; tham mưu giúp Chủ tịch UBND huyện, thành phố tổ chức Đoàn thanh tra liên ngành tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với các cơ sở sản xuất và kinh doanh trên địa bàn. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn chống hàng nhái, hàng giả, gian lận thương mại về hàng đóng gói sẵn, hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại các địa phương thực hiện đúng quy định nhà nước về các lĩnh vực nói trên. Đến nay mới có một số địa phương triển khai thanh tra, kiểm tra, điển hình như thành phố Bắc Giang đã tiến hành kiểm tra 191 cơ sở, xử lý 187 cơ sở, nộp ngân sách nhà nước 283,5 triệu đồng; huyện Hiệp Hòa đã tiến hành kiểm tra 70 cơ sở, xử phạt hành chính được 6,5 triệu đồng; huyện Việt Yên đã tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại 232 cơ sở, 69 cơ sở vi phạm đoàn đã nhắc nhở và xử phạt hành chính 03 cơ sở với số tiền 4 triệu đồng; huyện Lục Ngạn kiểm tra 78 cơ sở, xử lý 56 cơ sở, nhắc nhở 07 cơ sở với tổng số tiền xử phạt là 143.085 triệu đồng...

Việc phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất đã được các ngành, huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện. Tuy vậy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật mới được xem xét và công nhận ở cấp cơ sở, sáng kiến cấp tỉnh hầu như không có, một số ngành đã thực hiện tốt hoạt động của Hội đồng sáng kiến cải tiến kỹ thuật như: Huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, thành phố Bắc Giang, Sở Giáo dục, Sở Công thương, Sở Y tế...

Công tác thông tin, báo cáo của các ngành, huyện, thành phố đã từng bước được quan tâm và thực hiện đang đi vào nề nếp. Tuy nhiên, công tác báo cáo hàng tháng qua mạng thông tin điện tử còn hạn chế, chưa đúng thời gian. Bên cạnh đó, công tác tham mưu giúp Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố ban hành Quyết định, Chỉ thị về lĩnh vực KH&CN trên địa bàn còn chưa được quan tâm thực hiện.

Hoạt động KH&CN cơ sở trong 6 tháng đầu năm đã có nhiều cố gắng và đạt được kết quả đáng khích lệ. Hầu hết các hội đồng đã chủ động tham mưu, đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ; một số hội đồng đã chủ động tích cực tham mưu cho lãnh đạo huyện, ngành bố trí kinh phí của đơn vị để tổ chức thực hiện những nhiệm vụ KH&CN cần thiết phục vụ địa phương và phục vụ ngành. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống có những tiến bộ rõ rệt: Các mô hình KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn được triển khai đều khắp, sát thực, phù hợp với các địa phương có nhiều triển vọng, mang lại hiệu quả kinh tế cao và có khả năng nhân rộng; các đề tài, dự án triển khai ở các ngành đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, giải quyết được khó khăn của đơn vị, góp phần đẩy nhanh tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống./.

Hồng Nhung

Bắc Giang tươi đẹp

*Bắc Giang tươi đẹp tựa gương trong
Nhu nước sông Thương chẳng đổi dòng.
Thuở trước thù kia chôn ó ngựa
Thời nay ta đó vừng đai rồng.
Niềm thương chảy tới cùng miền hạ
Nỗi nhớ quy về tận phố đông.
Thành thị nông thôn vui đổi mới
Ấm no hạnh phúc dưới cờ hồng./.*

HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU DỰ ÁN “XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRỒNG RỪNG THÂM CANH BẠCH ĐÀN VÀ KEO TAI TƯỢNG TẠI BẮC GIANG”

Lương Vũ Thắng

Bắc Giang là tỉnh miền núi có diện tích rừng trồng là 82.022 ha, chiếm 21,5% tổng diện tích tự nhiên và chiếm 54,0% đất có rừng. Trong đó có các loài cây trồng chính là bạch đàn, keo và một số loài cây đặc sản khác. Rừng trồng có trữ lượng: 36.112 ha, chiếm 23,8% đất có rừng. Rừng trồng chưa có trữ lượng: 9.902 ha chiếm 6,5% đất rừng. Năng suất rừng trồng của tỉnh nhìn chung còn thấp bình quân từ 10 - 15m³/ha/năm. Tỷ lệ độ che phủ rừng toàn tỉnh năm 2012 là 35,5%. Nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Bắc Giang đến 2020 đề ra là:

Thiết lập, quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 166.609 ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp. Tiếp tục xây dựng, bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ. Quản lý bảo vệ tốt khu rừng đặc dụng Tây Yên Tử. Xây dựng lâm phận ổn định theo 3 loại rừng, phấn đấu nâng độ che phủ của rừng lên 41,8% vào năm 2015 và 43% vào năm 2020 (kể cả diện tích cây ăn quả trên đất lâm nghiệp).

Tăng cường khả năng cung cấp gỗ nguyên liệu công nghiệp giấy sợi, gỗ mủ công nghiệp chế biến;

Tăng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (bao gồm cả công nghiệp chế biến lâm sản và các dịch vụ môi trường) bình quân 4%/năm, đạt 225-230 tỷ đồng/năm vào năm 2015 và 270-275 tỷ đồng vào năm 2020.

Những năm vừa qua, giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói chung vẫn chỉ sử dụng bạch đàn PN14, U6; keo tai tượng giống hạt nhập nội; keo lai BV16, BV10. Các dòng bạch đàn, keo lai sử dụng qua nhiều năm (trồng qua nhiều chu kỳ) nên nhiều diện tích đã bị nhiễm bệnh và có sự thoái hóa giống. Biểu hiện là cây rừng trồng khô lá non, chết ngọn, hiện tượng này kéo dài từ 4-5 tháng sau đó mới tự phục hồi do đó đã làm giảm năng suất

chất lượng rừng trồng. Giống keo tai tượng địa phương chất lượng di truyền kém nên cây rừng trồng tỷ lệ đồng đều thấp, nhiều cây rỗng ruột. Bên cạnh đó giống nhập nội giá rất cao nên người nông dân miền núi khó tiếp cận được nguồn giống tốt đưa vào trồng rừng. Năng suất, chất lượng, giá trị sản xuất rừng trồng thấp bình quân năng suất đạt 8-15m³/ha/năm, thu nhập 25-30 triệu/ha/chu kỳ rừng trồng (7-8 năm). Trong khi đó, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu ra nhiều giống mới như: Bạch đàn lai UP99, UP35, UP100, UP72, UP66, UP97 năng suất cao, chất lượng tốt.

Từ những lý do trên, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Yên Thế được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước tại Quyết định số 2073/QĐ-BKH-CN ngày 16 tháng 8 năm 2012 và Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đồng ý cho thực hiện dự án tại Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2012 về việc phê duyệt dự án “Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh bạch đàn và keo tai tượng tại Bắc Giang”. Thời gian thực hiện dự án từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 12 năm 2015.

Mục tiêu của dự án là đưa giống mới được nghiên cứu, chọn tạo ra giống có năng suất chất lượng tốt vào sản xuất để nâng cao năng suất chất lượng rừng trồng; đưa tiến bộ kỹ thuật vào các mô hình sản xuất giống mới, sản xuất thâm canh rừng trồng và phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc rừng cho người dân miền núi.

Nội dung chính của dự án đó là: Chuyển giao, tiếp nhận giống mới và quy trình công nghệ sản xuất giống mới cho trồng rừng thâm canh bạch đàn và keo tai tượng; xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh bạch đàn và keo tai

tượng với quy mô diện tích 15 ha tại các huyện: Yên Thế, Lục Ngạn và Lục Nam; đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho nông dân.

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 2,7 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương là hơn 1 tỷ đồng, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học tỉnh Bắc Giang là 348 triệu đồng.

Hiện nay Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Yên Thế (cơ quan chủ trì thực hiện dự án) đã triển khai các nội dung dự án theo kế hoạch đề ra bao gồm:

Đào tạo 10 cán bộ, kỹ thuật viên của Công ty về kỹ thuật nhân giống bạch đàn và keo tai tượng;

Xây dựng vườn ươm cây bạch đàn đầu dòng cung cấp hom giống và cây giống bạch đàn: Đã trồng 20.000 cây bạch đàn lai UP35, UP54, UP72, UP95, UP99 làm cây đầu dòng để làm cây mẹ cung cấp hom giống. Cải tạo xong 1.000m² vườn ươm tại Yên Thế để chuẩn bị nhân giống bạch đàn giống mới cung cấp cây giống phục vụ trồng rừng năm 2014 trên địa bàn huyện Yên Thế và các địa phương lân cận.

Xây dựng vườn giống keo tai tượng để sản xuất hạt giống: Đã trồng xong 2,0 ha vườn giống keo tai tượng thế hệ 1,5 tại Yên Thế.

Xây dựng mô hình, chuyển giao kỹ thuật trồng rừng thâm canh cây bạch đàn giống mới: Đã trồng 16 ha các dòng UP35, UP54, UP72, UP95, UP99 do Viện Nghiên cứu giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp chuyển giao công nghệ, trong đó huyện Yên Thế 12 ha, Lục Nam 02 ha và Lục Ngạn 02 ha.

Kết quả bước đầu triển khai mô hình đã góp phần nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả rừng trồng, làm tăng thu nhập trên đơn vị diện tích đất, rút ngắn chu kỳ sản xuất, chủ động sản xuất nguồn giống tốt tại địa phương, phát



Mô hình trồng rừng bạch đàn giống mới tại Yên Thế.

huy hiệu quả các đề tài nghiên cứu chọn tạo giống. Giúp cho người dân nông thôn miền núi tăng thu nhập, phát triển mạnh kinh tế đồi rừng theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Dự án thực hiện góp phần làm thay đổi phương thức, tập quán sản xuất rừng truyền thống, từng bước đưa tiến bộ kỹ thuật vào áp dụng thâm canh rừng trồng; xã hội hóa khoa học công nghệ tiến bộ trong nông thôn miền núi, tạo việc làm và thu nhập cho người dân; là động lực thúc đẩy công tác quản lý và sử dụng rừng, đất rừng bền vững theo quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh Bắc Giang./.

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG NGÀY Càng ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Mạc Thị Kim Thoa

Cùng với sự phát triển của đất nước, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, ở địa phương có 63 Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, trực thuộc Chi cục một số tỉnh có Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giúp Chi cục thực hiện hoạt động dịch vụ phục vụ quản lý nhà nước và đáp ứng nhu cầu của tổ chức, công dân.

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bắc Giang được thành lập ngày 31/10/2011 theo Quyết định số 418/QĐ-UBND của UBND tỉnh, tiền thân là hoạt động dịch vụ kiểm định, kiểm nghiệm của Chi cục.

Được sự quan tâm của lãnh đạo Sở, Chi cục trưởng, sự cố gắng của cán bộ viên chức Phòng Thử nghiệm Tư vấn Chất lượng, năm 2013, Phòng Thử nghiệm Tư vấn Chất lượng của Trung tâm đã được công nhận hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2005 cho các lĩnh vực than, nước mắm, nước chấm và tiến tới mở rộng phạm vi thử nghiệm được công nhận sang các sản phẩm khác. Với mong muốn giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường góp phần nâng cao sức khỏe con người, Trung tâm đã được đầu tư máy BOD tự động phân tích nước thải. Trang bị máy cất đạm phân tích các chỉ tiêu về nitơ, máy quang kế ngọn lửa phân tích các chỉ tiêu về kali, liti, bari. Năm 2012 và 9 tháng đầu năm 2013, số mẫu thử nghiệm của Trung tâm là 1043 trong đó mẫu chủ lực là mẫu than.

Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu về nâng cao năng lực quản lý tại doanh nghiệp, Trung tâm có đội ngũ tư vấn chất lượng giúp tổ chức cá nhân có nhu cầu tư vấn về hệ thống quản lý như: ISO 9001:2008, ISO/IEC 17025:2005, ISO 14001, ISO 22000; các công cụ quản lý như 5S, Kaizen, Six sigma,... phối hợp cùng với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tư vấn xây dựng tiêu

chuẩn cơ sở, hướng dẫn ghi nhãn, mã số mã vạch... Năm 2012 - 2013, Trung tâm thực hiện 6 hợp đồng tư vấn xây dựng hệ thống quản lý ISO 9001:2008 với Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Giang, Công ty TNHH Kỹ thuật điện HTT, Công ty CP Xây lắp điện Bắc Giang, Công ty CP Thép Phương Bắc, Công ty CP Thép Việt Anh, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quốc tế Shengli VN; hướng dẫn một số tổ chức, cá nhân xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, làm thủ tục xin cấp mã số mã vạch như: Công ty TNHH Đức Tài Phúc, Công ty CP Long Vân, Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Thiệp, Công ty Thiết bị điện và Chiếu sáng Đức Hà.

Trên lĩnh vực kiểm định, kế thừa và phát huy những thành quả đạt được từ bộ phận kiểm định của Chi cục, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, từng bước thỏa mãn khách hàng, hiện Trung tâm đã được đầu tư trang thiết bị tương đối đầy đủ trên các lĩnh vực như:

Điện năng: Kiểm định công tơ điện 1 pha và 3 pha, máy đo điện trở tiếp đất, máy đo độ bền cách điện.

Khối lượng: Kiểm định các loại cân ô tô đến 80 tấn, quả cân cấp chính xác M1, cân kỹ thuật, cân phân tích, cân treo các loại, cân đồng hồ.

Dung tích: Kiểm định xăng dầu, đồng hồ đo nước lạnh, phương tiện đo dung tích thông dụng cấp chính xác 0,5;

Áp suất: Kiểm định đồng hồ áp suất, huyết áp kế, áp kế ô xi mở rộng đến 600 bar

Độ dài: Taximet, phương tiện đo độ dài thông dụng.

Số phương tiện đo tăng mạnh, năm 2012-2013, số phương tiện đo được kiểm định tại Trung tâm là 21.139.

Tuy nhiên, hoạt động dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng cần được đẩy mạnh hơn nữa để đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển, trong



Kiểm định công tơ điện tại Chi cục - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

thời gian tối cần một số giải pháp cụ thể là:

Đầu tư đồng bộ máy móc, thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu khách hàng; để phục vụ nhu cầu kiểm định, thử nghiệm của trên 3.700 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư), Trung tâm cần được đầu tư máy móc theo dự án đầu tư trang thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 13/7/2012. Tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ để cán bộ, viên chức có thể vận hành làm chủ các thiết bị máy móc được đầu tư.

Bổ sung nguồn nhân lực cho Trung tâm, tăng cường năng lực thử nghiệm trên các lĩnh vực vật liệu xây dựng, an toàn thực phẩm, thông qua việc đào tạo cán bộ kết hợp với tham quan học tập kinh nghiệm tại những đơn vị có cùng lĩnh vực thử nghiệm đã được công nhận Vilas.

Mở rộng phạm vi công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo lường tới đáp ứng cơ bản nhu cầu kiểm định của doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường khai thác thị trường, đào tạo bổ sung nhân lực về tư vấn hệ thống quản lý, công cụ cải tiến phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện chương trình năng suất, chất lượng theo Quyết định số 712/QĐ-TTg.

Toàn thể cán bộ Trung tâm luôn đặt nhiệm vụ quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân lên hàng đầu và đây cũng là mục tiêu, là động lực để cán bộ Trung tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần chào mừng kỷ niệm 52 năm thành lập ngành KH&CN tỉnh Bắc Giang và những năm tiếp theo./.

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BẮC GIANG NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH ĐÁNG GHI NHẬN

Ngọc Trung

Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (KH&CN) Bắc Giang đã trải qua một thời gian dài hình thành và phát triển. Được sự quan tâm của lãnh đạo Sở đã tạo nên một hệ thống thông tin KH&CN chặt chẽ, tạo điều kiện cho hoạt động KH&CN phát triển một cách sâu rộng hơn. Với đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực thông tin có trình độ cao đã có nhiều nỗ lực trong việc thu nhập, xử lý và cung cấp những thông tin cần thiết phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh ở các cấp, các ngành. Vì vậy, trong thời gian qua, hoạt động thông tin KH&CN Bắc Giang đã đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Một nét nổi bật nữa là hoạt động thông tin KH&CN cùng với hệ thống thư viện điện tử về KH&CN đã tạo thành một hệ thống thông tin KH&CN rộng khắp với hơn 175.000 tư liệu về KHKT, trong đó trên 400 phim khoa học và công nghệ đã được số hóa về tất cả các lĩnh vực KH&CN, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, phát triển làng nghề; các dạng văn bản pháp luật, kết quả nghiên cứu giúp cho các xã xây dựng một điểm thông tin KH&CN của địa phương, dễ dàng cập nhật các tiến bộ KH&CN để khai thác có hiệu quả các tiến bộ KH&CN vào quản lý và sản xuất...

Hệ thống thư viện điện tử này đã phủ rộng được 40 xã trên toàn tỉnh. Từ đó, hoạt động thông tin KH&CN đã không ngừng mở rộng cả về chất và lượng để hình thành các sản phẩm rất đa dạng, dần hình thành mô hình cung cấp thông tin hai chiều. Ngoài ra, hoạt động thông tin KH&CN còn được đăng tải trên các ấn phẩm, các bộ phiếu tra cứu cho tới các cơ sở dữ liệu

(CSDL), các website, các bản tin điện tử, các đĩa hình với âm thanh, hình ảnh động được người dân đón nhận. Phương thức phục vụ thông tin cũng hết sức linh hoạt, kết hợp từ thủ công cho tới tự động khai thác nguồn tin trên Internet... Tất cả những điều đó đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt của hệ thống thông tin KH&CN của tỉnh. Bản tin KH&CN Bắc Giang đã xuất bản 06 số/năm, với số lượng 700 cuốn/số, phản ánh các chuyên mục khoa học công nghệ, nông nghiệp nông thôn, kinh tế... nhằm chuyển tải nhanh nhất, kịp thời nhất về các hoạt động KH&CN đến với bà con nông dân, các tổ chức doanh nghiệp, cá nhân. Bên cạnh đó hoạt động tuyên truyền về KH&CN cũng được đẩy mạnh bằng việc cập nhật kịp thời cho kênh thông tin trên cổng thông tin điện tử của Sở về các văn bản hướng dẫn hoạt động khoa học công nghệ và các tin tức liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh và những thông tin KH&CN trong và ngoài nước, với mục tiêu mang đến cho bạn đọc và người dân những thông tin bổ ích nhất về KH&CN. Nhìn chung, hoạt động thông tin KH&CN đã có một số kết quả nhất định, thông tin đã tiếp cận được với mọi đối tượng dùng tin, đội ngũ cộng tác viên phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Để tạo nên những thành quả như hôm nay, tập thể cán bộ, công chức làm công tác thông tin KH&CN đã có sự nỗ lực phấn đấu không ngừng. Đặc biệt, lãnh đạo Sở đã luôn quan tâm, chỉ đạo, tạo điều kiện cho hoạt động thông tin KH&CN phát triển đúng hướng, đúng xu thế của thời đại. Để tiếp tục hoàn thành các công việc được giao trong thời gian tới, định hướng phát triển của hoạt động thông tin KH&CN cho các năm tiếp theo là luôn luôn thực



Hội thảo giới thiệu điểm cung cấp thông tin khoa học công nghệ tại xã Quế Nham, huyện Tân Yên.

hiện chủ trương đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, để hoạt động KH&CN nói chung và hoạt động thông tin KH&CN nói riêng ngày càng đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước mắt, hoạt động thông tin KH&CN cần nỗ lực hơn nữa để có thể thực hiện được mục tiêu và các nội dung định hướng đã đặt ra. Qua đó, tăng cường và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin KH&CN nhằm đáp ứng một cách hiệu quả các nhu cầu thông tin của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hòa nhập vào xã hội thông tin toàn cầu.

Có thể nói rằng hoạt động thông tin KH&CN Bắc Giang đã không ngừng phát triển, tạo lập được một hệ thống thông tin KH&CN rộng khắp. Tuy nhiên, hoạt động thông tin

KH&CN đang đứng trước những thử thách mới, những nhiệm vụ mới không kém phần khó khăn. Nhưng cùng với sự đổi mới toàn diện trong hoạt động KH&CN, với sự tận tâm, tận tình của đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin KH&CN và với những kết quả đã đạt được, chúng tôi tin tưởng rằng, hoạt động thông tin KH&CN sẽ thực hiện tốt những mục tiêu và những nhiệm vụ được giao, góp phần đắc lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

HỆ THỐNG THÔNG TIN - Arc.GIS PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Lê Hải Bằng

Từ khi công nghệ thông tin phát triển nhiều ứng dụng được đặt ra và giải quyết, trong đó có công tác quản lý. Thực ra, công tác quản lý đã được đầu tư và khai thác từ rất lâu nhưng từ xưa tới nay chúng ta chỉ tiếp cận nó trên phương diện quản lý một cách đơn thuần (tài liệu giấy) mà không gắn với yếu tố đồ họa, địa lý kèm theo. Trong khi đó, đa phần các bài toán quản lý đều gắn với một yếu tố địa lý cụ thể nào đó. Như vậy, phương thức quản lý cũ sẽ có một hạn chế lớn là việc quản lý không được trực quan, các thành phần được quản lý chỉ thể hiện trên dòng ký tự (máy vi tính) và người dùng sẽ không nhận thấy được mối quan hệ hữu cơ giữa thành phần được quản lý với các yếu tố địa lý kèm theo. Ngày nay, việc quản lý như vậy ngày càng tỏ ra không phù hợp, nhất là các bài toán quản lý ở tầm vĩ mô. Khi đó người dùng sẽ không có một cái nhìn tổng quát về các vấn đề cần quan tâm. Từ đó các đánh giá nhận xét, hoạch định các phương hướng phát triển dựa trên các dữ liệu thu thập và thống kê được có thể bị sai lệch hoặc tốn nhiều thời gian liên kết.

Theo hướng tiên tiến, các công trình quản lý có ứng dụng công nghệ mới đã bắt đầu hình thành và phát triển. Các bài toán được thể hiện trên nền bản đồ sẽ khắc phục được rất nhiều nhược điểm mà các chương trình quản lý trước đây mắc phải. Đó chính là: **Công nghệ Hệ thống thông tin địa lý - GIS** (Geographical Information System) là một tập hợp các thủ thuật hình học máy tính trên cơ sở địa xử lý (Geoprocessing) nhằm thiết lập sự liên kết không gian giữa các đối tượng quản lý lưu trữ trong hệ thống. GIS được phát triển trên nền tảng của các công nghệ Điện tử - Tin học - Viễn thông và Tự động hóa. GIS đôi khi người ta còn gọi là hệ thống lập bản đồ thông minh, là một công cụ cho phép ta gắn liền thông tin vị trí địa lý với nội dung của nó và

thể hiện kết quả đó thành những bản đồ chính xác. Hệ thống có khả năng tạo ra các mảnh bản đồ cùng một lúc với nhau, lưu trữ dữ liệu thuộc tính mềm dẻo, dễ dàng tổng hợp và truy cập số liệu trong cơ sở dữ liệu. Nét đặc trưng của GIS là khả năng tạo ra các thông tin mới trên cơ sở phân tích và tổng hợp các dữ liệu đã có quản lý trong hệ thống.

GIS không đơn thuần về việc kiểm kê các tài nguyên hay một số hệ thống quản lý chuyên dụng dùng cho việc quản lý riêng từng đối tượng như: Đất đai, nguồn nước, rừng, hải cảng, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên môi trường... Trong những năm gần đây, GIS đã mở rộng ứng dụng các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội khác nhau. Do sự hoàn thiện về khả năng mô phỏng, mô hình hóa thông tin không gian của GIS, nó đã trở thành một công cụ trợ giúp quyết định trong công tác quy hoạch lãnh thổ, trong dự báo các hiện tượng tự nhiên, xã hội trên lãnh thổ, hoặc đánh giá tác động của môi trường đối với các hoạt động kinh tế và xã hội.

Các lớp thông tin bản đồ trong hệ thống không đơn thuần chỉ là từng vùng riêng biệt mà là tổng hợp hay liên vùng và được chia thành từng lớp, nhóm thông tin theo chuyên đề. Các lớp thông tin thuộc tính phi đồ thị của GIS đòi hỏi đầy đủ các thông tin về địa lý, môi trường, tự nhiên, sinh thái kinh tế - xã hội... liên quan đến tài nguyên môi trường trên vùng lãnh thổ. Với cách quản lý đó GIS cho phép người sử dụng có thể tổng hợp các hình thức đơn giản vào các mô hình dữ liệu nhanh chóng, mềm dẻo tạo ra các hình ảnh phức tạp thể hiện mối tương tác đa dạng của các đối tượng. Công nghệ GIS góp phần tích cực cải tiến công tác quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thông tin...

(Xem tiếp trang 24)

SỬ DỤNG CHẾ PHẨM SINH HỌC FITO CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ sinh học vào xử lý các phế thải từ nông nghiệp được coi là hướng đi đúng, đảm bảo sản xuất nông nghiệp bền vững trong bối cảnh đồng ruộng đang có nguy cơ bị ô nhiễm do người dân đốt rơm rạ và sử dụng các loại phân bón hóa học cho cây trồng.

Tính đến năm 2012, diện tích gieo trồng hàng năm của tỉnh là 174,7 nghìn ha, trong đó diện tích trồng lúa là 112,1 nghìn ha. Với diện tích trồng lúa cả năm là 112,1 nghìn ha thì lượng rơm rạ sau thu hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ước khoảng 674,4 nghìn tấn. Theo phân tích, lượng dinh dưỡng NPK mà cây lúa sau khi thu hoạch đã lấy đi trung bình là: 51,5 kg N; 25,4 kg P₂O₅; 137,4 kg K₂O trên 1 ha diện tích đất cấy lúa. Trước đây, sau khi thu hoạch rơm rạ chủ yếu được người dân làm thức ăn chăn nuôi và một phần được sử dụng làm chất đốt. Nhưng ngày nay, người dân chăn nuôi theo hướng công nghiệp chỉ sử dụng một phần làm thức ăn cho gia súc nên rơm rạ sau thu hoạch không được thu gom mà người dân đốt tại đồng ruộng. Điều này gây ô nhiễm môi trường và làm mất đi nhiều nguyên tố quan trọng mà cây trồng đã lấy đi từ đất. Vì vậy, trả lại cho đất dinh dưỡng mà cây lúa đã lấy đi từ đất là một việc làm cần thiết và cấp bách.

Từ năm 2009 đến nay, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Bắc Giang đã triển khai một số mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ làm phân bón hữu cơ tại các huyện Lạng Giang, Tân Yên, Việt Yên và thành phố Bắc Giang. Kết quả cho thấy, việc xử lý rơm rạ sau thu hoạch làm phân bón ngoài tác dụng giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khói bụi đốt rơm còn góp phần hạn chế việc lạm dụng phân hóa học và thuốc hóa học trên đồng ruộng mà vẫn đảm bảo được năng suất và nâng cao chất lượng nông sản, dần lấy lại độ phì nhiêu cho đất,

làm tăng hàm lượng các chất khoáng, tăng độ tơi xốp của đất, tăng hàm lượng vi sinh vật hữu hiệu trong đất, giảm tối thiểu các loại vi sinh vật có hại, các loại mầm mống sâu bệnh hại. Đây là một giải pháp quan trọng trong việc tạo nên một nền nông nghiệp sạch và bền vững.

Từ những hiệu quả đó năm 2013, Trung tâm tiếp tục triển khai thực hiện Dự án “Sản xuất chế phẩm Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ làm phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn tại tỉnh Bắc Giang”. Chế phẩm Fito-Biomix RR là một hỗn hợp vi sinh vật xử lý rơm, rạ do Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học sản xuất. Chế phẩm bao gồm hỗn hợp các chủng vi sinh vật phân giải hữu cơ, vi sinh vật kháng bệnh cho cây trồng có mật độ $\square 10^6$ CFU/g, các nguyên tố khoáng, vi lượng; có tác dụng: Bổ sung các chủng giống vi sinh vật phân giải hữu cơ có khả năng phân giải nhanh và triệt để rơm, rạ sau thu hoạch thành phân bón hữu cơ vi sinh giàu dinh dưỡng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Sản xuất chế phẩm sinh học Fito-Biomix RR xử lý rơm rạ sau thu hoạch góp phần giảm ô nhiễm môi trường do việc đốt rơm rạ gây ra. Đồng thời chủ động trong sản xuất và giảm giá thành xử lý rơm rạ thành phân bón hữu cơ phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Bắc Giang.

Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học Fito Biomix RR sử dụng bộ vi sinh vật yếm khí (bao gồm các chủng vi khuẩn: *Bacillus* sp; nấm mốc: *Trichoderma* sp, *Mucoindicus* sp, *Chaltomium* sp...; xạ khuẩn: *Streptomyces* sp). Các chủng vi sinh vật được nuôi cấy trên môi trường đặc hiệu, kết hợp với nhu cầu dinh dưỡng, hữu cơ, vi lượng và hỗn hợp NPK của cây trồng để sản xuất chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ sau thu hoạch thành phân bón hữu cơ. Hỗn hợp vi sinh vật trong chế phẩm được phép sử dụng và lưu thông trong toàn quốc, gồm 3 nhóm: Vi sinh vật cố định đạm, phân giải lân và phân

giải xenlulozơ. Lượng vi sinh vật mỗi nhóm trong chế phẩm không nhỏ hơn 10^6 CFU/g (CFU/g: Số đơn vị khuẩn lạc trong 1 gam chế phẩm).

Chế phẩm sinh học Fito Biomix RR có tác dụng bổ sung các chủng giống vi sinh vật phân giải hữu cơ có khả năng phân giải nhanh và triệt để rơm, rạ sau thu hoạch thành phân bón hữu cơ giàu dinh dưỡng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Để triển khai dự án, Trung tâm tiếp nhận hệ thống thiết bị, công nghệ sản xuất chế phẩm Fito-Biomix RR, công suất 10 tấn/năm, xây dựng 6 quy trình kỹ thuật, tổ chức 10 lớp tập huấn quy trình xử lý rơm rạ cho nông dân...

Theo đó, Trung tâm sẽ sản xuất 600 kg chế phẩm để xử lý thử nghiệm 3.000 tấn rơm rạ thành phân hữu cơ. Lượng phân hữu cơ này sẽ được bón thí điểm trên diện tích 60 ha lúa vụ xuân và vụ mùa năm 2014 (mỗi vụ 30 ha) tại 12 xã của các huyện: Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên và thành phố Bắc Giang. Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 3-2013.

Nguyên liệu sau khi thu gom được chất đống với chiều rộng khoảng 2m, cứ mỗi lớp 30cm rơm rạ thì tưới một lượt dung dịch chế phẩm Fito-Biomix RR (độ đậm đặc của dung dịch tùy thuộc vào độ ẩm của rơm rạ sao cho khi ủ rơm rạ có độ ẩm 80%). Bổ sung phân NPK và phân chuồng (nếu có). Sau đó, tiến hành ủ rơm rạ bằng cách sử dụng nilon, bạt, tải rách, bùn che đậy kín đảm bảo nhiệt độ ủ từ 45-50°C. Sau 10 đến 15 ngày tiến hành ngày kiểm tra và đảo trộn. Điều này làm cho rơm rạ vụn thêm do tác động cơ học, đảm bảo độ ẩm cũng như nhiệt độ của đống ủ luôn trong mức tối ưu, tạo điều kiện cho quá trình phân hủy rơm rạ diễn ra nhanh chóng và triệt để.

Trong quá trình ủ phát hiện chỗ nào chưa đảm bảo độ ẩm thì tưới bổ sung thêm để cho nguyên liệu hoại mục hoàn toàn. Sau 25 đến 30 ngày rơm rạ phân hủy tốt và đã chuyển sang màu nâu, vi khuẩn, nấm mốc phát triển tốt, rơm rạ phân hủy được khoảng 80-85%.

Đống ủ rơm rạ được bổ sung men vi sinh vật và dinh dưỡng, sau 30 ngày, hàm lượng



Sử dụng chế phẩm Fito để ủ rơm thành phân hữu cơ.

cacbon tổng số giảm, hàm lượng đạm, lân hữu hiệu, mật độ các vi sinh vật đều tăng. Sau quá trình ủ, phân hữu cơ từ rơm rạ được sử dụng bón ngay cho vụ kế tiếp hoặc bảo quản để sử dụng cho vụ sau. Chế phẩm sinh học Fito-Biomix RR được sản xuất tại địa phương nên có giá thành thấp hơn so với chế phẩm phải mua tại Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học 54.900đ/kg. Các năm tiếp theo xưởng sản xuất chế phẩm Fito-Biomix RR được mở rộng sẽ góp phần tạo công ăn việc làm cho viên chức và người lao động trong Trung tâm. Việc sử dụng chế phẩm sinh học Fito-Biomix RR để xử lý rơm rạ sau thu hoạch thành phân bón hữu cơ và sử dụng loại phân này bón cho cây trồng sẽ làm giảm nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn, tăng hiệu quả kinh tế cho người nông dân, góp phần quan trọng trong phát triển nền nông nghiệp sạch và bền vững.

Dự án thực hiện thành công sẽ là cơ hội để Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN được tăng cường tiềm lực, tạo đà cho việc xây dựng khu ứng dụng công nghệ sinh học trong tương lai nói chung, sẽ chủ động sản xuất chế phẩm sinh học Fito-Biomix RR cung cấp cho các hộ nông dân xử lý rơm rạ thành phân bón hữu cơ, góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường từ việc đốt rơm rạ, góp phần giảm giá thành sản xuất, thực hiện sản xuất sạch, tăng hiệu quả kinh tế trên 1 ha đất sản xuất trên địa bàn tỉnh./.

Đỗ Thị Thơm